



BẢN TIN CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

BẢN TIN NỘI BỘ CỦA VĂN PHÒNG BAN CHỈ ĐẠO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CỦA CHÍNH PHỦ

SỐ 43/2021
Từ 01/11 - 05/11/2021

TIN NỘI BẬT CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

TIN TRUNG ƯƠNG

CHỈ ĐẠO NỘI DUNG

*

TS. NGUYỄN TRỌNG THỪA
THỨ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ
PHÓ TRƯỞNG BAN BAN CHỈ ĐẠO
CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
CỦA CHÍNH PHỦ

ÔNG PHẠM MINH HÙNG
VỤ TRƯỞNG
VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
BỘ NỘI VỤ
CHÁNH VĂN PHÒNG BAN CHỈ ĐẠO
CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
CỦA CHÍNH PHỦ

BIÊN TẬP VÀ TRÌNH BÀY

*

TRUNG TÂM THÔNG TIN
BỘ NỘI VỤ

ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

SỐ 8 TÔN THẤT THUYẾT
QUẬN NAM TỪ LIÊM - HÀ NỘI

ĐIỆN THOẠI

024.62821016

EMAIL

BANTINBCDCCHC@MOHA.GOV.VN

WEBSITE

HTTP://WWW.MOHA.GOV.VN

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI:

**KHÔNG ĐỂ LỢI ÍCH NHÓM, LỢI ÍCH CỤC BỘ
CÀI CẮM VÀO QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG LUẬT**

Đây là nhấn mạnh của Chủ tịch Quốc hội trong Hội nghị trực tuyến toàn quốc triển khai Kết luận số 19-KL/TW ngày 14/10/2021 của Bộ Chính trị và Đề án định hướng Chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội Khóa XV.



Chủ tịch Quốc hội Vương Đình Huệ phát biểu tại hội nghị. Ảnh: Quang Khánh/Đại biểu nhân dân

Cần chấm dứt hiện tượng “xếp gạch, đặt chỗ”

Trình bày dự kiến Kế hoạch triển khai thực hiện Kết luận số 19-KL/TW, Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ Trần Văn Sơn cho biết, Chính phủ xác định 4 nhóm nhiệm vụ chủ yếu. Trong đó, tập trung soạn thảo, xây dựng, trình các dự án, dự thảo đã có trong Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2021 và 2022. Theo ông Sơn, Chính phủ đã giao trách nhiệm cho 9 Bộ, cơ quan ngang Bộ chủ trì bảo đảm trình Quốc hội đúng tiến độ, chất lượng.

Chính phủ cũng giao các Bộ, ngành đánh giá đầy đủ về mức độ phù hợp, tính khả thi, hiệu quả thực tế, những nội dung bất cập, hạn chế, vướng mắc trong triển khai thực hiện; trên cơ sở đó, đề xuất sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới luật, pháp lệnh theo nội dung định hướng đã được xác định theo Đề án của Đảng đoàn Quốc hội...

Bộ trưởng Sơn nhấn mạnh, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ tiếp tục ưu tiên lãnh đạo, chỉ đạo công tác xây dựng, hoàn thiện thể chế, tổ chức thi hành pháp luật.

Theo đó, tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong xây dựng pháp luật; đề cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong công tác xây dựng và thi hành pháp luật, kiên quyết không xem xét các đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, các dự án luật, dự thảo không bảo đảm chất lượng, thủ tục, thời hạn trình theo quy định.

Ở góc độ triển khai định hướng hoàn thiện pháp luật thuộc lĩnh vực xã hội, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Xã hội Đặng Thuần Phong đề nghị, Chính phủ chỉ đạo các Bộ, ngành rà soát, đề xuất lộ trình hoạch định chính sách và hoàn thiện hệ thống pháp luật đến năm 2030 thuộc lĩnh vực Bộ, ngành quản lý.

“Cần chấm dứt hiện tượng “xếp gạch, đặt chỗ”, đề xuất xây dựng luật, pháp lệnh một cách duy ý chí, không trên cơ sở nhu cầu thực sự, không dựa trên cơ sở bằng chứng, chưa được tổng kết, đánh giá đầy đủ; từng bước khắc phục tình trạng xây dựng luật chấp vá, manh mún, phải sửa đổi, bổ sung thường xuyên”, ông Phong nhấn mạnh.

Tránh “bắc nước sôi chờ gạo”

“Thế chế và hiệu lực của thế chế có vai trò quan trọng và quyết định đối với sự phát triển của tất cả các quốc gia. Tuy nhiên, vai trò của thế chế lại phụ thuộc lớn vào chất lượng của hệ thống pháp luật”, Chủ tịch Quốc hội Vương Đình Huệ phát biểu sau đó.

Theo ông Vương Đình Huệ, Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng yêu cầu hệ thống pháp luật phải bảo đảm chất lượng cả về hình thức và nội dung.

Ông đặc biệt nhấn mạnh, chất lượng của dự án luật phải phản ánh thực tế cuộc sống, đáp ứng yêu cầu kiến tạo phát triển kinh tế - xã hội bền vững, đảm bảo yêu cầu của điều ước quốc tế. “Rõ ràng cuộc sống không thể hiện trong các văn bản pháp luật thì pháp luật khó lòng đi vào cuộc sống”, Chủ tịch Quốc hội nêu rõ.

Theo Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, hiện nay, Quốc hội chỉ quyết định chương trình xây dựng pháp luật hàng năm. Vì vậy, kết luận của Bộ Chính trị cho định hướng Chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ là “hết sức quan trọng” để Quốc hội xem xét quyết định chương trình xây dựng pháp luật hàng năm.

Chủ tịch Quốc hội Vương Đình Huệ giải thích, khi xem xét quyết định chương trình xây dựng pháp luật hàng năm mà có định hướng dài hạn, sẽ chủ động hơn, vào cuộc từ sớm, từ xa, phối hợp chặt chẽ với các cơ quan liên quan để bảo đảm tiến độ, cũng như tránh tình trạng “bắc nước sôi chờ gạo”; dự luật cần thì không có để xem xét, thông qua; dự luật được trình lại chưa thực sự cần thiết, hoặc cấp thiết nhưng chuẩn bị không kỹ lưỡng.

“Chúng ta yêu cầu một Chính phủ liêm chính hành động phục vụ người dân, doanh nghiệp thì bản thân công tác lập pháp của Quốc hội cũng phải liêm chính. Không được để cho lợi ích nhóm, lợi ích cục bộ cài cắm vào quá trình xây dựng luật”, Chủ tịch Quốc hội nhấn mạnh. Ông cũng đồng ý kiên quyết không trình những dự án, dự thảo không bảo đảm chất lượng và tiến độ.

“Tất cả các dự án luật và dự thảo nghị quyết mà không đảm bảo chất lượng dứt khoát trả lại cơ quan trình”

Tôi xin khẳng định lại tinh thần này, chúng ta không thể chấp nhận dự án luật sơ sài rồi đưa ra biểu quyết sau đó một thời gian ngắn lại phải sửa mà không đáp ứng yêu cầu kiến tạo, phát triển đất nước, hội nhập quốc tế...”, ông Vương Đình Huệ đề nghị, siết chặt kỷ cương luật pháp gắn với trách nhiệm tập thể, tổ chức và cá nhân, nhất là trách nhiệm của người đứng đầu trong công tác xây dựng pháp luật.

Theo ông, cần xác định rõ nguyên nhân, trách nhiệm của từng cơ quan, tổ chức, người đứng đầu trong việc không hoàn thành nhiệm vụ để báo cáo Quốc hội, cấp có thẩm quyền.

Coi đó là một trong những tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ, là căn cứ để xem xét, đánh giá mức độ tín nhiệm khi tổ chức lấy phiếu tín nhiệm đối với những người giữ chức vụ do Quốc hội bầu hoặc phê chuẩn.

Nhấn mạnh việc triển khai thực hiện Kết luận số 19-KL/TW và Đề án là nhiệm vụ chính trị trọng tâm, Chủ tịch Quốc hội đề nghị, hoàn thiện dự thảo kế hoạch của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, cố gắng trình và ban hành ngay trong tuần này.

Ông cũng đề nghị Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên có giải pháp tiếp tục nâng cao hơn nữa chất lượng giám sát và phản biện xã hội đối với công tác xây dựng pháp luật; phát huy vai trò, trách nhiệm, tham gia có hiệu quả vào quy trình lập pháp.

Nguồn: vietnamnet.vn

PHÓ THỦ TƯỚNG THƯỜNG TRỰC CHÍNH PHỦ: ĐẨY MẠNH HƠN NỮA VIỆC PHÂN CẤP, PHÂN QUYỀN TRONG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC

Chiều ngày 04/11, tại Trụ sở Chính phủ, Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ Phạm Bình Minh đã chủ trì Hội nghị trực tuyến toàn quốc với chủ đề “Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước” nhằm triển khai thực hiện chủ trương đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước theo yêu cầu của Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng.

Phát biểu khai mạc Hội nghị, Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ Phạm Bình Minh nêu rõ: Ngay từ đầu nhiệm kỳ, Chính phủ đã coi việc đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước là một quan điểm lớn trong chỉ đạo, điều hành nhằm hướng tới phân định rõ thẩm quyền, trách nhiệm của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ và các cấp chính quyền địa phương trong quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực và theo lãnh thổ.

Phân cấp, phân quyền đã và đang được điều chỉnh theo yêu cầu cải cách hành chính, phát huy tính chủ động sáng tạo, khai thác tiềm năng, lợi thế của các địa phương; tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp; tăng cường tính công khai, minh bạch trong chỉ đạo, điều hành của từng cấp, từng ngành trong tổ chức thực hiện; thúc đẩy việc đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

Tuy nhiên, thời gian qua, nhất là qua thực tiễn công tác phòng, chống dịch COVID-19, việc phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước đã bộc lộ những tồn tại, bất cập, hạn chế, như còn “cào bằng” giữa các địa phương; chưa hợp lý, phù hợp trong một số ngành, lĩnh vực; chưa mạnh mẽ, thiếu đồng bộ về nguồn lực và điều kiện bảo đảm thực hiện chưa gắn với cải

cách thủ tục hành chính; thiếu quy hoạch, tiêu chuẩn, quy chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật ở một số ngành, lĩnh vực; cơ chế kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực, chế tài xử lý vi phạm chưa hoàn thiện, đồng bộ.

Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ đề nghị các đại biểu tập trung thảo luận xác định nhiệm vụ, giải pháp đẩy mạnh phân cấp, phân quyền cho năm nay, cho nhiệm kỳ Chính phủ 2021 - 2026 và trong thời gian tới; qua đó nâng cao hiệu quả, hiệu lực quản lý nhà nước, phát huy tính chủ động, sáng tạo, đề cao trách nhiệm của từng cấp, từng ngành, nhất là người đứng đầu đi đôi với tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực, góp phần xây dựng nền hành chính nhà nước dân chủ, chuyên nghiệp, hiện tại, trong sạch, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và phục vụ Nhân dân.

Hội nghị tập trung thảo luận, trao đổi thẳng thắn để làm rõ những việc làm được, chưa làm được; những khó khăn, vướng mắc, hạn chế và yếu kém trong công tác phân cấp, phân quyền thời gian qua cả về mặt các quy định pháp luật và thực tiễn triển khai; phân tích rõ nguyên nhân hạn chế, yếu kém; những thực tiễn tốt và các bài học kinh nghiệm trong nước và quốc tế.

Cụ thể, các tham luận của các Bộ, ngành, địa phương chú trọng làm rõ tình hình, kết quả và bài học kinh nghiệm thực hiện phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực đầu tư công, phát triển liên kết vùng, và cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; theo ngành, lĩnh vực; hoạt động giám sát của các cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương trong điều kiện đẩy mạnh phân cấp, phân quyền; phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực đất đai; kiểm soát quyền lực trong công tác cán bộ; công tác xây dựng và tổ chức thực thi pháp luật; giám sát và nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động giám sát của cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương...

Hội nghị cũng đề xuất các nội dung, định hướng và nhiệm vụ, giải pháp cụ thể để đẩy mạnh công tác phân cấp, phân quyền một cách thiết thực, hiệu quả; thực hiện tốt các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ theo tinh thần của Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng và Nghị quyết số 50/NQ-CP của Chính phủ về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng.

Các ý kiến phát biểu đều nhấn mạnh việc phân cấp, phân quyền cần phân định rõ nhiệm vụ, quyền hạn, thẩm quyền, trách nhiệm của từng cấp, từng ngành; có tính đến điều kiện đảm bảo thực hiện; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, kiểm soát việc thực hiện quyền lực nhà nước chặt chẽ... góp phần xây dựng nền hành chính nhà nước dân chủ, chuyên nghiệp, hiện đại, trong sạch, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và phục vụ Nhân dân.

Sau khi nghe các ý kiến phát biểu tại Hội nghị, Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ Phạm Bình Minh đánh giá, thời gian qua việc phân cấp, phân quyền được đẩy mạnh triển khai trên quy mô rộng giữa các cấp, các ngành, lĩnh vực, nhất là giữa Chính phủ và các bộ, ngành, giữa Trung ương và địa phương.

Việc phân cấp, phân quyền được thực hiện gắn liền với quá trình hoàn thiện thể chế, cải cách hành chính, xây dựng chính phủ điện tử, chính phủ số, qua đó góp phần kiện toàn bộ máy bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu quả, trong đó Chính phủ, các bộ, ngành tập trung thực

hiện chức năng quản lý vĩ mô, xây dựng chiến lược, quy hoạch, cơ chế, chính sách, nâng cao năng lực điều hành và tổ chức thực hiện.

Trong thời gian tới, Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ nhấn mạnh, tiếp tục rà soát để sửa đổi, bổ sung theo thẩm quyền, hoặc đề xuất sửa đổi bổ sung hệ thống thể chế để tạo điều kiện cho việc thực hiện tốt hơn việc phân cấp, phân quyền.

Tiếp tục đơn giản hóa thủ tục hành chính và nâng cao trách nhiệm của các cấp, các ngành. Chính quyền địa phương tập trung nâng cao năng lực thực thi chính sách pháp luật, tổ chức bộ máy, bố trí nhân lực phù hợp để giải quyết kịp thời và hiệu quả công việc, nâng cao trách nhiệm giải trình, tính minh bạch, công khai đối với người dân, doanh nghiệp. Phân cấp, phân quyền cần gắn chặt với đặc thù, nguồn lực, năng lực của từng lĩnh vực, địa phương, từ đó có cơ chế, chính sách phân cấp phân quyền cụ thể, sát với thực tiễn; quan tâm tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát.

Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ giao Bộ Nội vụ chủ trì, phối hợp với bộ, ngành, địa phương nghiên cứu ý kiến của các cơ quan liên quan, tiếp tục rà soát, đề xuất rõ những nội dung nhiệm vụ giải pháp cần thực hiện trong thời gian tới để đẩy mạnh phân cấp, phân quyền theo tinh thần của Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng và Nghị quyết số 50/NQ-CP của Chính phủ về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, bảo đảm phù hợp với Kết luận số 19-KL/TW ngày 14/10/2021 của Bộ Chính trị về Đề án định hướng Chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV.

Nguồn: baohinhphu.vn

CHƯƠNG TRÌNH TỔNG THỂ VỀ THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

Ngày 02/11, Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Khái ký Quyết định số 1845/QĐ-TTg ban hành Chương trình tổng thể của Chính phủ về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí giai đoạn 2021 - 2025.

Mục tiêu của Chương trình này là triệt để thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong các lĩnh vực, góp phần huy động, phân bổ, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực để phòng, chống, ngăn chặn đại dịch COVID-19, đảm bảo phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng.

Theo yêu cầu, việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí phải đảm bảo thúc đẩy việc huy động, quản lý, khai thác, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực của nền kinh tế cho phát triển kinh tế - xã hội; được xác định là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, mang tính thường xuyên của các cấp, các ngành, các địa phương, các doanh nghiệp và Nhân dân, gắn với đề cao trách nhiệm

của người đứng đầu trong chỉ đạo điều hành và tổ chức thực hiện; đảm bảo phân công, phân cấp cụ thể, rõ đầu mối thực hiện. Đồng thời, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí phải gắn với tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, giám sát, thúc đẩy cải cách hành chính, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

Công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí giai đoạn 2021 - 2025 tập trung thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu trong các lĩnh vực để khôi phục và phát triển kinh tế, phấn đấu thực hiện cao nhất các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội đã được Quốc hội đề ra để góp phần đưa tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trong nước (GDP) bình quân 5 năm khoảng 6,5 - 7%; GDP bình quân đầu người đến năm 2025 đạt 4.700 - 5.000 USD, tiêu hao năng lượng tính trên GDP bình quân giảm 1 - 1,5%/năm.

Cùng với đó, cơ cấu lại ngân sách Nhà nước theo hướng bảo đảm nền tài chính quốc gia an toàn, bền vững, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, thúc đẩy tăng trưởng, giải quyết các vấn đề an sinh xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh; siết chặt kỷ luật, kỷ cương tài chính, ngân sách; tăng cường quản lý thu, thực hiện quyết liệt các giải pháp chống thất thu, chuyển giá, trốn thuế, thu hồi nợ thuế, đảm bảo tỷ lệ huy động vào ngân sách nhà nước bình quân không thấp hơn 16% GDP. Tiếp tục quán triệt nguyên tắc công khai, minh bạch và yêu cầu triệt để tiết kiệm, chống lãng phí trong triển khai nhiệm vụ, dự án, đề án; chỉ trình cấp có thẩm quyền ban hành chính sách, đề án, nhiệm vụ mới khi thực sự cần thiết và có nguồn bảo đảm; thực hiện đúng dự toán ngân sách Nhà nước được Quốc hội quyết định, kiểm soát bội chi ngân sách Nhà nước, đảm bảo bình quân giai đoạn 2021-2025 ở mức 3,7% GDP, trong tổ chức thực hiện, phấn đấu giảm xuống dưới 3,7% GDP.

Quyết định nêu rõ yêu cầu về thực hiện quản lý nợ công theo quy định của Luật Quản lý nợ công năm 2017 và các văn bản hướng dẫn; kiểm soát chặt chẽ các chỉ tiêu an toàn nợ công, bảo đảm nền tài chính quốc gia an toàn, bền vững và ổn định kinh tế vĩ mô; công khai, minh bạch trong quản lý nợ công, gắn với trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan; cơ cấu lại và nâng cao hiệu quả sử dụng nợ công, hạn chế tối đa cấp bảo lãnh Chính phủ cho các khoản vay mới; thực hiện nghiêm nguyên tắc chỉ vay nợ cho chi đầu tư phát triển; rà soát chặt chẽ kế hoạch sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài; kiên quyết loại bỏ các dự án không thật sự cần thiết, kém hiệu quả. Quyết định nhấn mạnh, đảm bảo an toàn nợ công, trong đó: trần nợ công hằng năm không quá 60% GDP, trần nợ Chính phủ hằng năm không quá 50% GDP, trần nợ nước ngoài của quốc gia hằng năm không quá 50% GDP.

Đồng thời, tăng cường quản lý, đẩy nhanh tiến độ thực hiện, giải ngân vốn đầu tư công để góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, tạo việc làm, thu nhập cho người lao động, tạo ra năng lực sản xuất mới, thu hút đầu tư phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, trong đó tập trung đầu tư các công trình kết cấu hạ tầng trọng điểm theo tinh thần Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng; chống lãng phí trong quản lý, sử dụng tài nguyên thiên nhiên, trong xử lý ô nhiễm môi trường; hoàn thiện đồng bộ hệ thống luật pháp, cơ chế, chính sách, công cụ thúc đẩy quản lý, sử dụng tiết kiệm và hiệu quả tài nguyên thiên nhiên.

Bên cạnh đó, cần đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp Nhà nước, đẩy nhanh ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, quản trị theo chuẩn mực quốc tế, bảo đảm doanh nghiệp Nhà nước là một lực lượng vật chất quan trọng của kinh tế nhà nước. Đẩy mạnh cơ cấu lại, cổ phần hóa, thoái vốn; nâng cao hiệu quả đầu tư vốn Nhà nước tại doanh nghiệp. Củng cố, phát triển một số tập đoàn kinh tế Nhà nước có quy mô lớn, thực hiện quyền tự chủ, nâng cao hiệu quả hoạt động, có năng lực cạnh tranh khu vực và quốc tế trong một số ngành, lĩnh vực then chốt của nền kinh tế.

Chương trình tổng thể đặt ra yêu cầu kiên quyết đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy, giảm đầu mối, tránh chồng chéo, tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại đội ngũ công chức, viên chức, hướng tới mục tiêu tăng năng suất lao động xã hội bình quân 6,5%/năm; triển khai quyết liệt công tác sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm tinh gọn, có cơ cấu hợp lý, có năng lực tự chủ, quản trị tiên tiến, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, giữ vai trò chủ đạo trong thị trường dịch vụ sự nghiệp công; cung ứng dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu có chất lượng ngày càng cao...

Để đạt được các mục tiêu trên, Chương trình đề ra các giải pháp, nhiệm vụ trọng tâm như: Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức, tăng cường công tác tổ chức thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trên các lĩnh vực; đẩy mạnh thực hiện công khai, nâng cao hiệu quả giám sát thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; kiểm tra, thanh tra, xử lý nghiêm các vi phạm quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; đẩy mạnh cải cách hành chính, hiện đại hóa quản lý; gắn thực hành tiết kiệm, chống lãng phí với công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng...

Nguồn: ttxvn/baotintuc.vn

ĐƠN GIẢN HÓA 27 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

Ngày 02/11, Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Khái ký Quyết định số 1844/QĐ-TTg phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Theo đó cắt giảm, đơn giản hóa 27 thủ tục hành chính thuộc 6 ngành nghề kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Cụ thể, cắt giảm, đơn giản hóa 3 thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán; 6 thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối của tổ chức không phải là tổ chức tín dụng; 4 thủ tục hành chính liên quan đến kinh doanh vàng; 4 thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động dịch vụ tài chính khác (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội); 4 thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động kinh

doanh của các ngân hàng thương mại và 6 thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động kinh doanh của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô.

Phó Thủ tướng Chính phủ giao Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các bộ, ngành có liên quan trong phạm vi thẩm quyền có trách nhiệm triển khai thực hiện theo đúng nội dung và thời hạn quy định tại phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Trong quá trình triển khai thực hiện, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chủ động phát hiện và kịp thời sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan thuộc thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định đối với luật, pháp lệnh, nghị định của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ có quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh cần sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ để thực hiện phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Được biết, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam vừa đặt ra Kế hoạch cải cách hành chính giai đoạn 2021 - 2025. Trong đó, cơ quan này nhấn mạnh, sẽ cung cấp dịch vụ hành chính công 24/7, sẵn sàng phục vụ trực tuyến bất cứ khi nào người dân và doanh nghiệp cần.

Kế hoạch cũng đưa ra một số chỉ tiêu cơ bản, cụ thể khác như: cắt giảm, đơn giản hóa tối thiểu 20% số quy định và cắt giảm tối thiểu 20% chi phí tuân thủ quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ngân hàng Nhà nước tại các văn bản đang có hiệu lực thi hành tính đến hết ngày 31/5/2020.

Đồng thời, số hóa 100% kết quả giải quyết thủ tục hành chính đang còn hiệu lực và có giá trị sử dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Ngân hàng Nhà nước; tối thiểu 80% thủ tục hành chính có đủ điều kiện, được cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4.

Nguồn: vneconomy.vn

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG: SỬA ĐỔI, BỔ SUNG CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ CỦA CỤC TIN HỌC HÓA

Ngày 28/10, Bộ trưởng Bộ Thông tin và truyền thông ký ban hành Quyết định số 1702/QĐ-BTTTT sửa đổi, bổ sung chức năng, nhiệm vụ của Cục tin học hóa.

Theo đó, Cục Tin học hóa được xác định là tổ chức trực thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông, thực hiện chức năng tham mưu giúp Bộ trưởng quản lý nhà nước và tổ chức thực thi pháp luật về ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng Chính phủ điện tử, thuê, mua sắm đối với dịch vụ công nghệ thông tin, phát triển phần mềm ứng dụng và chuyển đổi số; là đơn vị chuyên trách về công nghệ thông tin của Bộ Thông tin và Truyền thông.

Trên cơ sở đó, Bộ chuyển một số nhiệm vụ của Trung tâm Thông tin theo Quyết định số 1355/QĐ-BTTTT ngày 15/8/2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Thông tin sang Cục Tin

học hóa, bao gồm: (1) Xây dựng, trình Bộ trưởng Chương trình, đề án, dự án, kế hoạch về ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng, phát triển Bộ Thông tin và Truyền thông điện tử và hướng dẫn, kiểm tra, tổ chức thực hiện sau khi được phê duyệt; (2) Về quản lý Cổng thông tin điện tử của Bộ; (3) Về tổ chức triển khai hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong Bộ; (4) Về bảo đảm an toàn thông tin.

Trong đó, một số nhiệm vụ liên quan trực tiếp đến nội dung cải cách hành chính được giao cho Cục Tin học hóa như: Phối hợp với cả cơ quan, đơn vị có liên quan kết nối, tích hợp, đồng bộ hóa, cập nhật và khai các cơ sở dữ liệu (không thuộc phạm vi bí mật nhà nước) trên Cổng thông tin điện tử của Bộ, liên kết các cổng/trang thông tin điện tử của các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ thành mạng thông tin điện tử thống nhất trên internet; Triển khai tích hợp các kênh thông tin, ứng dụng và cơ sở dữ liệu để cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên Cổng Thông tin điện tử của Bộ, kết nối với Cổng Thông tin một cửa Quốc gia và Cổng dịch vụ công Quốc gia; Thực hiện liên thông, chia sẻ, tích hợp các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu; triển khai quản lý văn bản điện tử, chữ ký số, chứng thư số trong giao dịch điện tử và các hình thức khác phục vụ hoạt động quản lý, điều hành và cải cách hành chính của Bộ.

Trần Trang, Vụ Cải cách hành chính, Bộ Nội vụ

PHÁT TRIỂN DỮ LIỆU SỐ LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP

Giai đoạn 2021 - 2030, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đặt mục tiêu tăng cường chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ phát triển Chính phủ điện tử phục vụ nhiệm vụ cải cách hành chính. Qua đó, từng bước đổi mới phương thức làm việc, nâng cao năng suất, hiệu quả hoạt động của các đơn vị thuộc Bộ, nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp.

Để đạt được mục tiêu trên, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã và đang tiến hành hoàn thiện môi trường pháp lý. Xây dựng phát triển Chính phủ số. Xây dựng các chính sách, quy định pháp lý về lĩnh vực nông nghiệp theo hướng khuyến khích người dân, doanh nghiệp sử dụng, cung cấp các dịch vụ số.

Đồng thời, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sẽ phát triển hạ tầng, hệ thống dữ liệu phục vụ triển khai Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số Phát triển hạ tầng Internet vạn vật (IoT) phục vụ các ứng dụng nghiệp vụ, chuyên ngành trong triển khai Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số tích hợp, liên thông với hệ thống Một cửa Quốc gia, một cửa Asean.

Phát triển nền tảng số, phát triển nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp bộ/tỉnh (LGSP) kết nối các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu trong nội bộ của Bộ, kết nối với nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NGSP) theo Khung kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam để trao đổi, chia sẻ dữ liệu với các cơ quan bên ngoài. Xây dựng, phát triển nền tảng ứng dụng trên thiết bị di động hỗ trợ người dân, doanh nghiệp sử dụng các dịch vụ, tiện ích nông nghiệp số.

Phát triển dữ liệu số, phát triển các cơ sở dữ liệu chuyên ngành, tập trung xây dựng hệ thống dữ liệu lớn của ngành về đất đai nông nghiệp, cây trồng, vật nuôi, thủy sản, thủy lợi, phòng chống thiên tai phục vụ ứng dụng, dịch vụ Chính phủ số trong nội bộ Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Bên cạnh đó, xây dựng mạng lưới quan sát, giám sát tích hợp trên không và mặt đất phục vụ các hoạt động nông nghiệp. Thúc đẩy cung cấp thông tin về môi trường, thời tiết, chất lượng đất đai để nông dân nâng cao năng suất và chất lượng cây trồng, hỗ trợ chia sẻ các thiết bị nông nghiệp qua nền tảng số. Thực hiện chia sẻ hiệu quả dữ liệu chuyên ngành của Bộ với các Bộ ngành và địa phương, mở dữ liệu của Bộ theo quy định của pháp luật.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xác định, cần phát triển ứng dụng, dịch vụ nội bộ, phát triển hệ thống thông tin phục vụ chỉ đạo, điều hành của Bộ. Phát triển hoàn thiện Hệ thống thông tin báo cáo của Bộ phục vụ chỉ đạo, điều hành của Bộ, lãnh đạo Bộ kết nối, tích hợp theo thời gian thực với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của Chính phủ. Phát triển hoàn thiện hệ thống quản lý văn bản và điều hành của Bộ, chuẩn hóa, điện tử hóa quy trình nghiệp vụ xử lý hồ sơ trên môi trường mạng, biểu mẫu, chế độ báo cáo.

Tăng cường gửi, nhận văn bản, báo cáo điện tử tích hợp chữ ký số giữa các đơn vị thuộc Bộ và các doanh nghiệp. Thực hiện số hóa hồ sơ, lưu trữ hồ sơ công việc điện tử của Bộ, đơn vị thuộc Bộ theo quy định. Phát triển các ứng dụng, dịch vụ nghiệp vụ, chuyên ngành phục vụ nội bộ và kết nối, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống thông tin trong và ngoài Bộ.

Đồng thời, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đẩy mạnh việc sử dụng chữ ký số, chuyển đổi số và điện tử trong xử lý văn bản, cắt giảm giấy tờ, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, đơn giản hóa quy trình nghiệp vụ. Phát triển các hệ thống làm việc tại nhà, từ xa của Bộ và các đơn vị thuộc Bộ.

Ứng dụng mạnh mẽ hiệu quả các công nghệ số mới như điện toán đám mây (Cloud Computing), dữ liệu lớn (Big Data), di động, internet vạn vật (IoT), trí tuệ nhân tạo (AI), chuỗi khối (Blockchain), mạng xã hội và các công nghệ số mới trong xây dựng, triển khai các ứng dụng, dịch vụ Chính phủ điện tử tại Bộ.

Hoàn thiện Cơ sở dữ liệu về các quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh và công tham vấn điện tử theo chương trình cắt giảm, đơn giản hóa các quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh giai đoạn 2020-2025. Xây dựng các kênh tương tác trực tuyến để người dân tham gia giám sát hoạt động xây dựng thực thi chính sách, pháp luật, ra quyết định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cũng đặt mục tiêu phát triển ứng dụng, dịch vụ phục vụ người dân, doanh nghiệp phát triển, hoàn thiện Cổng dịch vụ công của Bộ. Hoàn thành tích hợp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 lên Cổng dịch vụ công Quốc gia. Hoàn thiện chức năng các thủ tục, tích hợp, đảm bảo kết nối thông suốt hệ thống của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các đơn vị thuộc Bộ với Cổng thông tin một cửa Quốc gia để thực hiện Một cửa Quốc gia, một cửa Asean.

Nguồn: nongnghiep.vn

ĐÔ THỊ THÔNG MINH PHẢI GẮN LIỀN VỚI CHUYỂN ĐỔI SỐ

Ngày 02/11, Hội nghị Thành phố thông minh Việt Nam - ASOCIO 2021 (ASOCIO - Vietnam Smart City Summit 2021) chính thức được khai mạc với chủ đề “Thành phố thông minh trong khuôn khổ hợp tác Việt Nam quốc tế”.

Trong 5 năm qua, xu hướng phát triển Smart City vẫn đang là chủ đề nóng và nhận được sự quan tâm đầu tư của các nền kinh tế trong khu vực. Chính phủ các nước ASEAN cũng đã hưởng ứng thành lập Smart City Network (ASCN) với sự tham gia của 26 thành phố trong khu vực. ASOCIO đã thành lập riêng Ủy ban Smart City để thúc đẩy xu hướng này.

Tại Việt Nam, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Đề án phát triển Đô thị thông minh bền vững Việt Nam giai đoạn 2018 - 2025 và định hướng đến năm 2030. 5 năm qua, 54/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã và đang triển khai thành phố thông minh. Trong đó, vùng Đông Nam Bộ có tỷ lệ các tỉnh đã triển khai cao nhất 100% (6/6 địa phương đã triển khai).

Ngoài ra, 30 tỉnh, thành phố đã phê duyệt Đề án/Chương trình/Kế hoạch phát triển đô thị thông minh; 15 tỉnh, thành phố đã phê duyệt Kiến trúc ICT phát triển đô thị thông minh; 38 tỉnh, thành phố đã triển khai Trung tâm IOC cấp tỉnh; 21 tỉnh, thành phố đã triển khai Trung tâm IOC cấp đô thị, thành phố thuộc tỉnh. Thành phố Đà Nẵng của Việt Nam đã được vinh danh về nỗ lực này không chỉ với Giải thưởng Thành phố thông minh Việt Nam trong 2 năm liên tiếp 2020 - 2021 mà cả Giải thưởng Smart City của ASOCIO vào năm 2019.

Đại dịch COVID-19 không những không kìm hãm được xu hướng Smart City mà thậm chí còn làm động lực phát triển nhanh hơn nữa tiến trình này. Các thành phố đang coi Smart City và chuyển đổi số như một nhân tố quan trọng hàng đầu giúp các thành phố sẽ nhanh chóng phục hồi sau đại dịch. Điều này có thể thấy rõ qua sự phát triển mạnh mẽ của các nền tảng dịch vụ công trực tuyến, Giáo dục thông minh, y tế thông minh, và quản lý điều hành, dịch vụ an sinh xã hội được chuyển đổi số, thông minh hóa một cách mạnh mẽ tại hầu hết các thành phố trên thế giới và trong khu vực. Sự chia sẻ và liên kết giữa các thành phố, cùng với sự chung tay của các doanh nghiệp công nghệ trong xu hướng này sẽ giúp các thành phố trở lại nhịp độ phát triển, cuộc sống của người dân sẽ sớm bình an, thịnh vượng.

Phát triển đô thị thông minh là quá trình thực hiện chuyển đổi số trong phạm vi đô thị đó

Phát biểu tại Lễ khai mạc, Thứ trưởng Thông tin và Truyền thông Nguyễn Huy Dũng cho biết, Bộ Thông tin và Truyền thông với sứ mệnh dẫn dắt và định hướng quá trình Chuyển đổi số quốc gia nói chung, đã sớm ban hành một số văn bản hướng dẫn tạo khung pháp lý trong lĩnh vực ICT cho phát triển đô thị thông minh bao gồm Khung tham chiếu ICT, Bộ chỉ số KPI phát triển đô thị thông minh và các nội dung về ứng dụng công nghệ thông tin để cung cấp các dịch vụ, tiện ích đô thị thông minh.

"Trong bối cảnh Việt Nam đang đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số quốc gia, chúng tôi quan niệm rằng phát triển đô thị thông minh cũng chính là quá trình thực hiện chuyển đổi số

trong phạm vi đô thị, thành phố đó. Phát triển đô thị thông minh không thể tách rời mà phải gắn kết chặt chẽ với quá trình chuyển đổi số tại địa phương", Thứ trưởng Nguyễn Huy Dũng nói.

Hội nghị cấp cao Thành phố thông minh Việt Nam - ASOCIO 2021 là cơ hội rất lớn để các cơ quan quản lý, các chuyên gia, học giả, cộng đồng doanh nghiệp công nghệ số của Việt Nam và quốc tế cùng chia sẻ, thảo luận, cập nhật những xu hướng, kinh nghiệm trong xây dựng thành phố thông minh.

Các ý kiến chia sẻ, trao đổi, thảo luận tại Hội nghị sẽ giúp Việt Nam và các quốc gia thành viên ASOCIO nói chung có thêm kiến thức và động lực để cùng chung tay xây dựng các thành phố thông minh thực sự bền vững, có sức chống chịu cao, linh hoạt, dễ thích ứng và phản ứng nhanh trước những tác động môi trường và xã hội, qua đó giúp các quốc gia đạt được mục tiêu kép vừa phòng, chống dịch bệnh, bảo vệ sức khỏe người dân, vừa phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội trong trạng thái bình thường mới.

Phát triển Smart City là vấn đề mới không chỉ đối với Việt Nam mà cả với các quốc gia đi trước, đòi hỏi chúng ta liên tục phải tìm hiểu, trao đổi, đúc kết những kinh nghiệm thực tiễn cả trong nước và quốc tế để triển khai. Hội nghị cấp cao Thành phố thông minh Việt Nam - ASOCIO 2021 là cơ hội rất lớn để các cơ quan quản lý, các chuyên gia, học giả, cộng đồng doanh nghiệp công nghệ số của Việt Nam và quốc tế cùng chia sẻ, thảo luận, cập nhật những xu hướng, kinh nghiệm trong xây dựng thành phố thông minh, Thứ trưởng cho hay.

Trong ngày đầu tiên, Hội nghị cấp cao Thành phố thông minh Việt Nam - ASOCIO 2021 đã diễn chuyên đề đầu tiên Chính quyền số với 3 phiên hội thảo chuyên đề gồm Hội nghị các nhà lãnh đạo; Hội thảo Thành phố thông minh - Kinh nghiệm và giải pháp từ ASOCIO; Hội thảo Xây dựng quản lý vận hành thành phố thông minh dựa trên định hướng dữ liệu.

Phương thức mới phát triển đô thị trong kỷ nguyên thông minh hóa

Chủ tịch Hiệp hội Phần mềm và Dịch vụ công nghệ thông tin Việt Nam (VINASA) Nguyễn Văn Khoa cho rằng, xây dựng đô thị thông minh đang là một xu thế tất yếu và nhu cầu bức thiết của các đô thị. Đại dịch COVID-19 bùng phát gần 2 năm qua đã và đang thúc đẩy mạnh mẽ hơn quá trình xây dựng, phát triển thành phố thông minh với nhiều bài toán về thu thập, quản lý dữ liệu, giải pháp phòng chống dịch, quy hoạch, vận hành và quản lý cho các tỉnh, thành phố, đặc biệt là cho giai đoạn phục hồi và phát triển như hiện nay.

Cùng với chuyển đổi số, thành phố thông minh đang trở thành một trong những chuẩn mực để phát triển, trở thành một trong những phương thức mới của các đô thị trong kỷ nguyên thông minh hóa, giúp các đô thị tối ưu hóa các nguồn lực, phát triển bền vững, đem lại sự an toàn, tiện ích hơn cho người dân và phát triển kinh tế", Chủ tịch Hiệp hội Phần mềm và Dịch vụ công nghệ thông tin Việt Nam nhận định.

Xây dựng thành phố thông minh cần một tầm nhìn và chiến lược lâu dài

Ông David Wong, Chủ tịch ASOCIO chia sẻ, hiện nay hơn một nửa dân số thế giới đang sống ở các thành phố. Đến năm 2050 cứ 10 người thì có 7 người sống tại các đô thị mặc dù diện tích các đô thị trên thế giới chỉ chiếm khoảng 2%.

Ngoài ra, các thành phố lớn chiếm hơn 70% lượng khí thải các bon toàn cầu và 60-80 % tiêu thụ năng lượng. Sự đô thị hóa một cách nhanh chóng đã tạo ra nhiều thách thức cho sự phát triển kinh tế xã hội như: sự bất bình đẳng xã hội, tắc nghẽn giao thông và ô nhiễm nguồn nước và các vấn đề về sức khỏe.

Do đó, xây dựng một thành phố thông minh, bền vững cần một tầm nhìn, sự quyết tâm và chiến lược lâu dài của các chính phủ, ông David Wong nhấn mạnh.

Hội nghị cấp cao Thành phố thông minh Việt Nam - ASOCIO 2021 do Hiệp hội Phần mềm và Dịch vụ công nghệ thông tin Việt Nam (VINASA) phối hợp với tổ chức Công nghiệp Điện toán châu Á - châu Đại Dương (ASOCIO) đồng tổ chức diễn ra trong 5 ngày từ 02 - 06/11 trên nền tảng trực tuyến.

Trong lần thứ 5 được tổ chức, sự kiện thường niên này dự kiến sẽ có trên 10.000 đại biểu tham gia và theo dõi 15 phiên Hội nghị và hoạt động kết nối kinh doanh, triển lãm trực tuyến.

Phiên khai mạc ngày 02/11 có cán bộ, lãnh đạo của 59 tỉnh, thành kết nối 70 điểm cầu trực tuyến. Tổng cộng có trên 1.300 đại biểu tham gia theo dõi đến từ 12 quốc gia và nền kinh tế trong khu vực.

Hội nghị cấp cao Thành phố thông minh Việt Nam - ASOCIO 2021 diễn ra từ ngày 02 - 06/11/2021 gồm 14 phiên hội thảo tập trung vào 5 chuyên đề: Chính quyền số; Bất động sản thông minh; Khu công nghiệp thông minh: Nền tảng và giải pháp số cho thành phố thông minh; Startup với thành phố thông minh. Bên cạnh các hội thảo, còn có các gian hàng triển lãm trực tuyến, kết nối giao thương giữa các doanh nghiệp trong nước và quốc tế với các tỉnh, thành phố, doanh nghiệp, tổ chức ứng dụng công nghệ thông tin.

Phát triển các thành phố thông minh, bên cạnh câu chuyện về quản lý, điều hành của Chính quyền thành phố, là câu chuyện phát triển các không gian đang sống và đang làm việc cho người dân. Vietnam - ASOCIO Smart City Summit 2021 được thiết kế để các chuyên gia, các nhà lãnh đạo, doanh nghiệp thảo luận, chia sẻ chi tiết những khía cạnh cụ thể này trong 4 chuyên đề tiếp theo từ nay đến ngày 06/11 gồm: Bất động sản thông minh; Khu công nghiệp thông minh; Nền tảng, giải pháp số cho thành phố thông minh; Startup với thành phố thông minh.

Nguồn: nhandan.com.vn

HỢP TÁC CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG NGÀNH KIỂM TOÁN

Kiểm toán Nhà nước đưa nền tảng trực tuyến theo hướng hội tụ cơ sở dữ liệu tài chính tập trung toàn ngành cho chuyển đổi số.

Thời gian qua, chương trình chuyển đổi số đang diễn ra mạnh mẽ trên mọi lĩnh vực của đời sống, xã hội. Trong đó, chuyển đổi số ngành tài chính luôn được ưu tiên hàng đầu vì xây dựng tài chính điện tử hướng đến tài chính số là một trong những nhiệm vụ then chốt nhằm xây dựng Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số.

Nhằm nâng cao năng lực quản lý ngân sách, từ năm 2016, Kiểm toán Nhà nước đã phối hợp cùng với MISA để ứng dụng phần mềm kế toán MISA Mimosa và phần mềm tổng hợp báo cáo tài chính MISA Mimosa X1. Bối cảnh mới cùng xu thế tất yếu của chuyển đổi số, Kiểm toán Nhà nước đã tiếp tục hợp tác cùng Công ty Cổ phần MISA để triển khai nền tảng quản trị tài chính Nhà nước MISA FinGov.

Nền tảng quản trị tài chính Nhà nước MISA FinGov ứng dụng công nghệ 4.0, kết nối các phần mềm riêng lẻ như Quản lý ngân sách, Chấp hành dự toán, Quản lý tài sản, Quản lý tiền lương, Quyết toán tài chính... trên cùng một hệ thống để tạo thành nền tảng quản trị cơ sở dữ liệu tài chính - ngân sách thống nhất toàn ngành.

Theo Giám đốc Trung tâm Tin học, Kiểm toán Nhà nước Phạm Thị Thu Hà thì từ năm 2015, Kiểm toán Nhà nước đã triển khai ứng dụng phần mềm kế toán trong toàn ngành (mỗi đơn vị dự toán sử dụng 1 phần mềm độc lập). Tuy nhiên, bối cảnh mới cùng xu thế tất yếu của chuyển đổi số cho thấy tầm quan trọng của việc xây dựng, hội tụ cơ sở dữ liệu tài chính tập trung toàn ngành và ứng dụng sử dụng các phần mềm hoạt động trên nền tảng trực tuyến.

“MISA đã trở thành đơn vị thực hiện gói thầu "Phần mềm Quản lý Tài chính tập trung" và sẽ triển khai nền tảng MISA FinGov tại Kiểm toán Nhà nước, bao gồm 1 đơn vị dự toán cấp 1 và 20 đơn vị dự toán cấp 3. Việc triển khai thành công nền tảng MISA FinGov tại Kiểm toán Nhà nước, giúp công tác quản trị tài chính của Kiểm toán Nhà nước được thuận lợi, hiệu quả hơn”, bà Phạm Thị Thu Hà cho biết.

Theo đó, MISA FinGov giúp tiết kiệm ngân sách trong việc triển khai hệ thống với giá cả phù hợp và điện tử hóa toàn bộ hóa đơn, chứng từ kế toán giúp tiết kiệm chi phí in ấn, lưu trữ và bảo quản. Thêm vào đó, MISA FinGov giúp tự động hóa hoàn toàn quy trình tác nghiệp góp phần tăng năng suất công việc và tự động hóa tổng hợp báo cáo toàn ngành.

Trong quá trình điều hành công việc, nền tảng giúp đưa ra số liệu tức thời, phân tích chuyên sâu, dự báo tài chính chính xác. Nền tảng ứng dụng công nghệ điện toán đám mây và dễ dàng cài đặt, đồng bộ trên nhiều thiết bị giúp lãnh đạo các cấp, công chức viên chức và người lao động điều hành ngân sách hiệu quả linh hoạt mọi lúc, mọi nơi. Nền tảng đã được tổ chức đánh giá và đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn về hệ thống để triển khai toàn ngành.

Nguồn: baotintuc.vn

ĐẦU TÀI CHO KINH TẾ SỐ, XÃ HỘI SỐ

Mới đây, Ủy ban Quốc gia về Chính phủ điện tử được kiện toàn và đổi tên thành Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số. Ủy ban này do Thủ tướng Chính phủ làm Chủ tịch.

Quá trình chuyển đổi số quốc gia cũng chính là quá trình phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số. Tháng 6 năm nay, Thủ tướng Chính phủ cũng đã phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030. Đây là lần đầu tiên Việt Nam ban hành chiến lược về vấn đề này. Chiến lược

đưa ra tầm nhìn đến năm 2030 Việt Nam sẽ đạt vị trí cao trên thế giới về xếp hạng Chính phủ điện tử, Chính phủ số; thuộc nhóm 30 nước dẫn đầu theo xếp hạng của Liên hiệp quốc.

Quá trình chuyển đổi số quốc gia hướng đến hình thành Chính phủ số cùng với đó là nền kinh tế số, xã hội số. Tuy nhiên, ở chiều ngược lại, Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số có vai trò dẫn dắt quá trình chuyển đổi số ở mỗi quốc gia. Thật khó hình dung, khi nói về kinh tế số, xã hội số mà không đề cập đến Chính phủ số. Nói cách khác, khi không có Chính phủ điện tử, chưa định hình được Chính phủ số, thì không thể phát triển kinh tế số và xã hội số và cuối cùng là quá trình chuyển đổi số khó đạt được những kết quả như mong đợi.

Tham gia Hội nghị và triển lãm thế giới số 2021 (ITU Digital World 2021) vừa diễn ra ở Hà Nội, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính nhấn mạnh: Công cuộc chuyển đổi số để xây dựng một thế giới số không phải của riêng một quốc gia, tổ chức, cá nhân nào. Không một quốc gia, tổ chức, cá nhân nào có thể đứng ngoài tiến trình chuyển đổi số của nhân loại. Chuyển đổi số là xu thế tất yếu và là một quá trình thay đổi sâu rộng toàn bộ các hoạt động kinh tế - xã hội. Vì vậy, chính phủ các nước cần phải định hướng, dẫn dắt quá trình này để chuyển đổi số có hiệu quả, phát huy cao nhất những giá trị mới của không gian số trong mọi mặt đời sống xã hội.

Theo Thủ tướng Chính phủ, sự dẫn dắt định hướng của Nhà nước cần đi đôi với sự năng động, hiệu quả của thị trường. Do đó, hợp tác giữa khu vực nhà nước và khu vực tư nhân rất cần được khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi. Cùng với đó, cần phải xem người dân chính là trung tâm, là chủ thể và là mục tiêu của sự phát triển của tiến trình chuyển đổi số. Chuyển đổi số chỉ thực sự thành công khi mỗi người dân tích cực tham gia, được thụ hưởng các lợi ích mà chuyển đổi số mang lại và không một người dân nào bị bỏ lại phía sau.

Chính phủ luôn đóng vai trò rất quan trọng trong tiến trình chuyển đổi số của bất kỳ quốc gia nào, ở Việt Nam cũng không phải ngoại lệ. Sự ủng hộ mạnh mẽ từ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ tạo ra một môi trường thuận lợi, góp phần huy động mọi nguồn lực để chuyển đổi số ở Việt Nam. Không chỉ ủng hộ, khi Chính phủ quyết tâm hoàn thiện Chính phủ điện tử hướng đến Chính phủ số, thì đó chính là đầu tàu để kinh tế số, xã hội số ở Việt Nam định hình và phát triển mạnh mẽ.

Nguồn: sggp.org.vn

MỘT SỐ ĐỀ XUẤT MỚI:

*** Bộ Tài chính vừa thông báo lấy ý kiến góp ý của Nhân dân với dự thảo Nghị định quy định mức thu lệ phí trước bạ đối với ô tô, rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc được kéo bởi ô tô và các loại xe tương tự ô tô sản xuất, lắp ráp trong nước. Theo đó, dự thảo đề xuất tiếp tục giảm 50% lệ phí trước bạ đối với ô tô sản xuất, lắp ráp trong nước.**

Bộ Tài chính cho biết, để tháo gỡ khó khăn của doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp ô tô trong nước trước bối cảnh dịch COVID-19, ngày 28/6/2020, Chính phủ đã ban hành Nghị định số

70/2020/NĐ-CP quy định mức thu lệ phí trước bạ đối với ô tô sản xuất, lắp ráp trong nước đến hết ngày 31/12/2020. Theo đó, mức thu lệ phí trước bạ đối với ô tô sản xuất, lắp ráp trong nước từ ngày 28/6/2020 đến hết ngày 31/12/2020 bằng 50% mức thu lệ phí trước bạ đối với ô tô quy định tại Nghị định số 20/2019/NĐ-CP ngày 21/02/2019 về lệ phí trước bạ.

Việc điều chỉnh giảm 50% mức thu lệ phí trước bạ đối với xe ô tô sản xuất, lắp ráp trong nước theo Nghị định số 70/2020/NĐ-CP đã mang lại những tác động tích cực. Cụ thể, đối với người tiêu dùng: Góp phần trực tiếp giảm chi phí khi đăng ký quyền sở hữu ô tô, làm tăng khả năng tiếp cận sản phẩm ô tô của người dân, đặc biệt là các đối tượng có thu nhập trung bình cao, từ đó khuyến khích nhu cầu sở hữu xe của người dân và kích cầu tiêu dùng.

Đối với nhà sản xuất, lắp ráp ô tô trong nước: Hỗ trợ các nhà sản xuất, nhà phân phối tiêu thụ được lượng xe tồn kho kể từ khi dịch bệnh COVID-19 bùng phát, cũng như nối lại chuỗi cung ứng, gia tăng sản xuất.

Tuy nhiên, đến nay, dịch COVID-19 tại Việt Nam vẫn đang diễn biến phức tạp và khó lường, số ca nhiễm mới đã thấp hơn mức đỉnh dịch nhưng vẫn ở con số cao. Nguy cơ đứt gãy chuỗi cung ứng đang đe dọa nghiêm trọng đến các ngành sản xuất, trong đó có ngành sản xuất, lắp ráp ô tô, xuất phát từ nguyên nhân lượng xe tồn kho cao, công suất thấp do không thể duy trì số lượng người lao động và sức mua trong nước sụt giảm mạnh. Dự báo của các doanh nghiệp cho thấy, thị trường ô tô không chỉ bị ảnh hưởng nặng nề trong năm 2021 mà có thể còn kéo dài sang các năm tiếp theo.

Do đó, để tiếp tục tháo gỡ khó khăn cho các doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp ô tô trong nước trước ảnh hưởng tiêu cực của dịch COVID-19, kích cầu tiêu dùng, trên cơ sở pháp lý, cơ sở thực tiễn và qua những tác động tích cực của việc giảm 50% mức thu lệ phí trước bạ năm 2020 đối với ô tô sản xuất, lắp ráp trong nước thì việc trình Chính phủ dự án Nghị định quy định giảm mức thu lệ phí trước bạ đối với ô tô sản xuất, lắp ráp trong nước là cần thiết và phù hợp.

Tiếp tục giảm 50% mức thu lệ phí trước bạ đối với ô tô sản xuất, lắp ráp trong nước

Để thực hiện được mục tiêu, quan điểm đã nêu trên, kịp thời tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp ô tô trong nước trước ảnh hưởng của dịch COVID-19, trên cơ sở ý kiến của Thường trực Chính phủ tại cuộc họp ngày 20/10/2021, Bộ Tài chính đề xuất trình Chính phủ quy định mức thu lệ phí trước bạ đối với ô tô sản xuất, lắp ráp trong nước bằng 50% mức thu hiện hành và có hiệu lực thi hành từ ngày 15/11/2021, cụ thể như sau:

1. Từ ngày ... tháng ... năm 2021 đến hết ngày ... tháng ... năm 2022: Mức thu LPT lệ phí trước bạ lần đầu bằng 50% mức thu quy định tại Nghị định số 20/2019/NĐ-CP ngày 21/02/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 140/2016/NĐ-CP về lệ phí trước bạ; các Nghị quyết hiện hành của Hội đồng nhân dân hoặc Quyết định hiện hành của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương về mức thu lệ phí trước bạ tại địa phương và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).

2. Từ ngày ... tháng ... năm 2022 trở đi: Mức thu lệ phí trước bạ lần đầu tiếp tục thực hiện theo quy định tại Nghị định số 20/2019/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 140/2016/NĐ-CP về lệ phí trước bạ; các Nghị quyết hiện hành của Hội

đồng nhân dân hoặc Quyết định hiện hành của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương về mức thu lệ phí trước bạ tại địa phương và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).

Bộ Tài chính dự kiến thời gian thực hiện chính sách và hiệu lực thi hành của Nghị định từ ngày 15/11/2021 đến hết ngày 15/5/2022. Tuy nhiên, trường hợp Nghị định được Chính phủ ký ban hành sau ngày 15/11/2021, Bộ Tài chính trình Chính phủ thời gian thực hiện và hiệu lực thi hành của Nghị định được quy định từ ngày 01/12/2021 đến hết ngày 31/5/2022.

Do đó, tại dự thảo Nghị định trình Chính phủ, Bộ Tài chính đang đề trỏng ngày có hiệu lực như nêu trên.

Đánh giá tác động của chính sách này, Bộ Tài chính cho biết, việc tiếp tục giảm 50% mức thu lệ phí trước bạ đối với ô tô sản xuất, lắp ráp trong nước sẽ có những tác động tích cực như: Kích cầu tiêu dùng, khuyến khích người dân mua sắm, sở hữu tài sản; tác động thúc đẩy doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp ô tô trong nước nối lại chuỗi cung ứng, tăng cường mở rộng đầu tư sản xuất, lắp ráp ô tô tại Việt Nam.

Bên cạnh đó, tác động tăng tổng thu ngân sách nhà nước (mặc dù việc giảm 50% mức thu lệ phí trước bạ sẽ làm giảm số thu lệ phí trước bạ theo chính sách, nhưng do số lượng xe ô tô tiêu thụ tăng lên nên tổng số thu ngân sách nhà nước về lệ phí trước bạ, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế giá trị gia tăng vẫn tăng lên). Theo thống kê thì trong 6 tháng cuối năm 2020, số thu lệ phí trước bạ giảm theo chính sách là 7.314 tỷ đồng nhưng tổng số thu ngân sách nhà nước tăng 14.110 tỷ đồng).

*** Bộ Công an đang lấy ý kiến của Nhân dân đối với dự thảo Thông tư quy định chi tiết thi hành thi đua chấp hành án phạt tù, khen thưởng, xử lý phạm nhân vi phạm.**

Dự thảo Thông tư này quy định chi tiết thi hành về đối tượng, nguyên tắc, tiêu chí thi đua chấp hành án phạt tù, hình thức, điều kiện, tiêu chuẩn, thẩm quyền, hồ sơ, trình tự, thủ tục khen thưởng phạm nhân.

Trong đó, dự thảo nêu rõ nguyên tắc khen thưởng, xử lý phạm nhân vi phạm, bảo đảm thực hiện đầy đủ các nguyên tắc được quy định tại Điều 4 Luật Thi hành án hình sự trong khen thưởng, xử lý phạm nhân vi phạm.

Phạm nhân có thành tích phải được khen thưởng kịp thời, bảo đảm khách quan, công bằng, công khai, nhằm động viên, khuyến khích phạm nhân tích cực thi đua chấp hành án, nâng cao hiệu quả công tác thi hành án phạt tù.

Khen thưởng phải căn cứ vào tính chất, mức độ thành tích, kết quả của tập thể, cá nhân phạm nhân đã đạt được; mức khen thưởng phải tương xứng với thành tích, kết quả đạt được của tập thể, cá nhân phạm nhân.

Một hình thức khen thưởng được tặng nhiều lần cho một tập thể, cá nhân phạm nhân; một thành tích được xem xét khen thưởng bằng một hoặc nhiều hình thức khác nhau quy định tại Khoản 1 Điều 41 Luật Thi hành án hình sự; không khen thưởng nhiều lần đối với một thành tích. Trong cùng một phong trào thi đua hoặc kế hoạch chuyên đề, nếu một phạm nhân có nhiều thành tích, thì áp dụng chung khen thưởng một lần, không tách riêng từng thành tích để khen thưởng.

Xử lý phạm nhân vi phạm phải bảo đảm thực hiện nghiêm quy định tại Điều 43 Luật Thi hành án hình sự, Điều 20 Nghị định số 133/2020/NĐ-CP ngày 09/11/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi hành án hình sự.

Bên cạnh đó, dự thảo cũng nêu rõ hành vi nghiêm cấm trong khen thưởng, xử lý phạm nhân vi phạm. Cụ thể, khen thưởng không đúng đối tượng, điều kiện, tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục, thẩm quyền; làm giả, làm sai lệch hồ sơ, tài liệu hoặc can thiệp trái phép, lợi dụng khen thưởng nhằm nâng mức xếp loại chấp hành án phạt tù, đề nghị đặc xá, giảm thời hạn chấp hành án phạt tù, tha tù trước thời hạn có điều kiện cho phạm nhân hoặc vì mục đích vụ lợi khác.

Xử lý phạm nhân vi phạm không đúng quy định pháp luật; làm giả, sai lệch hồ sơ xử lý phạm nhân vi phạm; can thiệp trái phép, lợi dụng kỷ luật xâm hại quyền, lợi ích hợp pháp của phạm nhân.

*** Bộ Xây dựng đang xây dựng dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 117/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ về xây dựng, quản lý và sử dụng hệ thống thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản.**

Bộ Xây dựng cho biết, sau 5 năm thực hiện Nghị định số 117/2015/NĐ-CP bước đầu đã hình thành một hệ thống thông tin gồm cơ sở dữ liệu, hệ thống phần mềm và hạ tầng công nghệ thông tin được xây dựng, quản lý đồng bộ, thống nhất từ Trung ương đến các địa phương. Các thông tin, số liệu, dữ liệu chuyên ngành về nhà ở, thị trường bất động sản đã thường xuyên được cập nhật vào hệ thống cơ sở dữ liệu chung, trên cơ sở đó, cơ quan quản lý chuyên môn đã nghiên cứu, phân tích, đánh giá, đưa ra các nhận định, dự báo về thị trường bất động sản và thực hiện công bố công khai các thông tin tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến lĩnh vực nhà ở và thị trường bất động sản được tiếp cận thông tin phục vụ việc quản lý, hoạch định chính sách, hoạt động đầu tư, kinh doanh bất động sản.

Tuy nhiên, kết quả thực hiện xây dựng hệ thống thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản đạt được còn thấp so với yêu cầu đặt ra. Đến nay trên địa bàn cả nước mới chỉ có 15 địa phương hoàn thành việc xây dựng hệ thống thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản.

Qua theo dõi việc thực thi pháp luật và tổng hợp ý kiến của các địa phương cho thấy có một số quy định của Nghị định số 117/2015/NĐ-CP không còn phù hợp với thực tiễn cần được điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung. Do vậy, việc xây dựng Nghị định thay thế Nghị định số 117/2015/NĐ-CP là cần thiết nhằm khắc phục những tồn tại, vướng mắc trong xây dựng, quản lý và sử dụng hệ thống thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản thời gian qua; công khai, minh bạch các thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản phục vụ công tác quản lý nhà nước của các bộ, ngành, địa phương có liên quan, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội và các nhu cầu chính đáng khác trong xã hội.

Chỉ tiêu thống kê về nhà ở theo hướng đơn giản, dễ dàng thu thập thông tin, đảm bảo mục tiêu quản lý

Đối với cơ sở dữ liệu về nhà ở: Dự thảo quy định về nội dung cơ sở dữ liệu về nhà ở quốc gia, cơ sở dữ liệu về nhà ở địa phương; thông tin, dữ liệu về kế hoạch, kết quả thực hiện chương trình kế hoạch phát triển nhà ở, số lượng, diện tích theo từng trường hợp phát triển nhà ở; thông tin, dữ liệu về nhà ở (số lượng, diện tích nhà ở thương mại, nhà ở xã hội, nhà ở

công vụ, nhà, đất tái định cư...) và biến động liên quan đến quá trình quản lý, sử dụng đất, nhà ở, bất động sản khác; chỉ tiêu thống kê về nhà ở theo hướng đơn giản, dễ dàng thu thập thông tin và đảm bảo mục tiêu quản lý nhà nước về nhà ở.

Cụ thể, thông tin dữ liệu về Chương trình, Kế hoạch phát triển nhà ở và kết quả thực hiện phát triển nhà ở, các trường hợp phát triển nhà ở và trường hợp xây dựng nhà ở theo dự án, bao gồm: Số lượng, diện tích nhà ở thương mại; số lượng, diện tích nhà ở xã hội; số lượng, diện tích nhà ở công vụ; số lượng, diện tích nhà ở, đất ở để phục vụ tái định cư; số lượng nhà ở được hỗ trợ theo chương trình mục tiêu quốc gia về nhà ở.

Đối với cơ sở dữ liệu về thị trường bất động sản: Dự thảo quy định về nội dung cơ sở dữ liệu về thị trường bất động sản quốc gia, cơ sở dữ liệu về thị trường bất động sản địa phương; thông tin, dữ liệu về dự án bất động sản; thông tin, dữ liệu về sàn giao dịch bất động sản và tình hình giao dịch bất động sản thông qua sàn giao dịch; thông tin, dữ liệu về tình hình giao dịch bất động sản thông qua hoạt động công chứng, chứng thực; chỉ tiêu thống kê về thị trường bất động sản theo hướng đơn giản, dễ dàng thu thập thông tin và đảm bảo mục tiêu quản lý nhà nước về thị trường bất động sản.

Theo đó, thông tin chung về dự án bất động sản bao gồm: Thông tin về chủ đầu tư; thông tin về vị trí; quy mô diện tích dự án; các chỉ tiêu quy hoạch chi tiết 1/500 theo quyết định đã được phê duyệt của dự án; giấy phép xây dựng hoặc thông báo khởi công của dự án; thông báo dự án đủ điều kiện bán nhà (nếu là dự án có nhà ở).

Thông tin về loại dự án bất động sản bao gồm: Dự án đầu tư xây dựng nhà ở, dự án đầu tư xây dựng khu đô thị; dự án đầu tư xây dựng trung tâm thương mại, văn phòng cho thuê; dự án đầu tư xây dựng khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, khách sạn...

Thông tin, dữ liệu về số lượng, diện tích loại bất động sản bao gồm: Số lượng, diện tích đất nền cho xây dựng nhà ở; số lượng, diện tích nhà ở riêng lẻ (biệt thự, nhà liền kề); số lượng, diện tích căn hộ chung cư để ở; số lượng, diện tích mặt bằng thương mại, dịch vụ, văn phòng cho thuê; số lượng, diện tích biệt thự du lịch, căn hộ du lịch, khách sạn; số lượng, diện tích nhà xưởng, đất sản xuất trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp...

*** Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đang lấy ý kiến Nhân dân đối với dự thảo Thông tư hướng dẫn vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý và chức danh nghề nghiệp chuyên ngành, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực ngân hàng.**

Dự thảo nêu rõ định mức số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Theo đó, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam căn cứ số lượng người làm việc đã được giao, phân tích thực trạng sử dụng số lượng người làm việc, lộ trình tinh giản biên chế và Khoản 2 Điều 4 Nghị định số 106/2020/NĐ-CP quy định về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập để xác định số lượng người làm việc phù hợp với quy định sau đây: 1) Về khung số lượng cấp phó của người đứng đầu các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành ngân hàng: thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 6 Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày

07/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập. 2) Về khung số lượng cấp phó của người đứng đầu tổ chức thuộc đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành ngân hàng thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Nghị định số 120/2020/NĐ-CP. 3) Trình tự, thủ tục phê duyệt, điều chỉnh vị trí việc làm, số lượng người làm việc thực hiện theo quy định tại Nghị định số 106/2020/NĐ-CP.

Bên cạnh đó, dự thảo quy định cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Cụ thể, tỷ lệ viên chức làm việc tại các vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành và vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung chiếm tỉ lệ tối thiểu 65% tổng số lượng người làm việc của đơn vị sự nghiệp công lập.

Tỷ lệ viên chức có chức danh nghề nghiệp theo hạng hoặc tương đương phải bảo đảm cơ cấu hợp lý, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, mô hình tổ chức, mức độ phức tạp của công việc của vị trí việc làm.

Ngoài ra, dự thảo cũng nêu rõ nguyên tắc xác định vị trí việc làm và số lượng người làm việc. Thực hiện theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập.

Mỗi vị trí việc làm phải có tên gọi thể hiện tính chất công việc, gắn với hạng chức danh nghề nghiệp hoặc tương đương và nội dung công việc cụ thể; đảm bảo nguyên tắc một người có thể đảm nhiệm một hoặc nhiều vị trí việc làm, một vị trí việc làm có thể do một hoặc nhiều người đảm nhiệm.

*** Bộ Tư pháp đang dự thảo Thông tư quy định tiêu chí phân loại, điều kiện thành lập, sáp nhập, hợp nhất, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực tư pháp.**

Bộ Tư pháp cho biết, việc xây dựng Dự thảo Thông tư nhằm cụ thể hóa quy định của Nghị định số 120/2020/NĐ-CP quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập và các quy định pháp luật liên quan, tạo cơ sở pháp lý cụ thể, rõ ràng, minh bạch, thuận lợi cho tổ chức, hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập và nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập phù hợp với mục tiêu “Đổi mới căn bản, toàn diện và đồng bộ hệ thống các đơn vị sự nghiệp công lập, bảo đảm tinh gọn, có cơ cấu hợp lý, có năng lực tự chủ, quản trị tiên tiến, hoạt động hiệu lực, hiệu quả;... Giảm mạnh đầu mối, khắc phục tình trạng manh mún, dàn trải và trùng lặp; tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, viên chức...”.

Dự thảo nêu rõ, nguyên tắc thành lập, sáp nhập, hợp nhất, giải thể các đơn vị sự nghiệp công lập phải phù hợp với quy định tại Điều 4 Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập; bảo đảm duy trì một phần hoặc toàn bộ chức năng, nhiệm vụ sự nghiệp công phục vụ quản lý nhà nước, cung ứng dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu và bảo đảm cung ứng dịch vụ sự nghiệp công mang tính đặc thù của ngành, lĩnh vực tư pháp theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

Đơn vị sự nghiệp công lập được thành lập khi đáp ứng điều kiện thành lập đơn vị sự nghiệp công lập quy định tại Khoản 1 Điều 5 Nghị định số 120/2020/NĐ-CP; phù hợp với tiêu chí phân loại đơn vị sự nghiệp công lập.

Bên cạnh đó, dự thảo cũng quy định rõ điều kiện sáp nhập đơn vị sự nghiệp công lập. Theo đó, đơn vị bị sáp nhập khi không đáp ứng đủ các điều kiện thành lập đơn vị sự nghiệp công lập.

Đơn vị nhận sáp nhập có chức năng, nhiệm vụ hoặc đã được bổ sung chức năng, nhiệm vụ phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của đơn vị bị sáp nhập hoặc có lĩnh vực hoạt động tương đồng với đơn vị bị sáp nhập; có năng lực tiếp nhận toàn bộ hoặc một phần nhân lực, tài sản, quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của các đơn vị bị sáp nhập; có phương án tiếp tục hoạt động với chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức sau khi nhận sáp nhập bảo đảm chất lượng, hiệu quả được cấp có thẩm quyền phê duyệt và đảm bảo đáp ứng điều kiện thành lập đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định; phù hợp với tiêu chí phân loại đơn vị sự nghiệp công lập.

Đơn vị sự nghiệp công lập sau khi nhận sáp nhập phải bảo đảm mức độ tự chủ về tài chính không thấp hơn mức độ tự chủ về tài chính cao nhất của các tổ chức thực hiện sáp nhập tại thời điểm bắt đầu tiến hành hoạt động sáp nhập; trường hợp thực hiện sáp nhập các đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính ở các mức độ khác nhau thì mức độ tự chủ về tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập sau sáp nhập thực hiện theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

*** Bộ Công Thương đang đề nghị xây dựng Nghị định thay thế Nghị định số 124/2017/NĐ-CP ngày 15/11/2017 của Chính phủ quy định về đầu tư ra nước ngoài trong hoạt động dầu khí.**

Bộ Công Thương cho biết, việc xây dựng Nghị định thay thế Nghị định số 124/2017/NĐ-CP quy định về đầu tư ra nước ngoài trong hoạt động dầu khí nhằm mục đích bổ sung, sửa đổi một số quy định về đầu tư ra nước ngoài trong hoạt động dầu khí phù hợp với Luật Đầu tư năm 2020 và thông lệ công nghiệp dầu khí quốc tế; nâng cao tính thực tiễn, khả thi và tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư, hạn chế tối đa những khó khăn, vướng mắc có thể phát sinh.

Quan điểm xây dựng Nghị định là đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp; tính thống nhất, đồng bộ với các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan về đầu tư ra nước ngoài trong hoạt động dầu khí, đồng thời khắc phục những bất cập, hạn chế của quy định pháp luật hiện hành.

Dự án dầu khí có vốn đầu tư ra nước ngoài dưới 800 tỷ đồng không phải xin chấp thuận chủ trương

Theo Bộ Công Thương, Nghị định mới sẽ giải quyết 2 nhóm vấn đề quan trọng. Nhóm vấn đề thứ nhất là bổ sung, hoàn thiện các quy định liên quan đến đầu tư ra nước ngoài trong hoạt động dầu khí phù hợp với quy định của Luật Đầu tư năm 2020.

Theo đó, dự thảo sửa đổi, bổ sung một số điều khoản liên quan đến các quy định mới về đầu tư ra nước ngoài trong Luật Đầu tư năm 2020, cụ thể:

Dự án dầu khí có vốn đầu tư ra nước ngoài dưới 800 tỷ đồng không phải xin chấp thuận chủ trương đầu tư ra nước ngoài.

Cơ quan, người có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư ra nước ngoài thì có thẩm quyền chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư ra nước ngoài; cơ quan, người có thẩm quyền

quyết định đầu tư ra nước ngoài thì có thẩm quyền quyết định điều chỉnh nội dung quyết định đầu tư ra nước ngoài.

Nhóm vấn đề thứ hai, là bổ sung, hoàn thiện các quy định liên quan đến đầu tư ra nước ngoài trong hoạt động đầu tư nhằm tháo gỡ các vướng mắc phát sinh thời gian qua.

Cụ thể, sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến các vấn đề sau: Việc điều chỉnh tăng vốn đầu tư ra nước ngoài để giải quyết các nghĩa vụ phải thực hiện theo hợp đồng đầu tư, thỏa thuận điều hành chung đã ký và quy định pháp luật nước sở tại như: Nghĩa vụ thu dọn mỏ, đền bù cam kết, nộp thuế, quỹ đào tạo... trong khi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài đã hết hạn mức và dự án đã kết thúc hoặc đang trong quá trình thực hiện các thủ tục kết thúc.

Bù trừ khi xác định vốn đầu tư ra nước ngoài của nhà đầu tư tại mỗi thời điểm đối với các khoản tiền đã chuyển về nước, bao gồm: Lợi nhuận được chia, các khoản thuế được nước sở tại hoàn lại,...

Pháp nhân thành lập ở nước ngoài/công ty điều hành có thể thực hiện nhiều dự án và thành lập địa điểm kinh doanh phù hợp với pháp luật của nước sở tại.

Trong giai đoạn đầu triển khai dự án, nhà đầu tư Việt Nam chưa phải bỏ vốn đầu tư do được nhà đầu tư nước ngoài gánh vốn.

*** Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đang dự thảo Thông tư quy định chuẩn người đứng đầu cơ sở giáo dục nghề nghiệp.**

Dự thảo Thông tư này quy định chuẩn năng lực thực hiện nhiệm vụ của người đứng đầu cơ sở giáo dục nghề nghiệp (bao gồm hiệu trưởng trường cao đẳng, hiệu trưởng trường trung cấp, giám đốc trung tâm giáo dục nghề nghiệp) và hướng dẫn sử dụng chuẩn năng lực thực hiện nhiệm vụ của người đứng đầu cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

Theo dự thảo, mục đích ban hành quy định chuẩn năng lực thực hiện nhiệm vụ của người đứng đầu cơ sở giáo dục nghề nghiệp để người đứng đầu cơ sở giáo dục nghề nghiệp thực hiện tự đánh giá năng lực thực hiện nhiệm vụ và tự xây dựng kế hoạch rèn luyện, bồi dưỡng đạt chuẩn để đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục nghề nghiệp và hội nhập quốc tế; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản trị hoạt động của cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

Dự thảo Thông tư nêu rõ 4 tiêu chuẩn năng lực thực hiện nhiệm vụ của người đứng đầu cơ sở giáo dục nghề nghiệp:

Tiêu chuẩn 1: Năng lực chuyên môn, nghiệp vụ: Người đứng đầu cơ sở giáo dục nghề nghiệp có đủ các tiêu chuẩn đối với chức danh hiệu trưởng trường cao đẳng, hiệu trưởng trường trung cấp, giám đốc trung tâm giáo dục nghề nghiệp theo quy định của Luật Giáo dục nghề nghiệp; thường xuyên học tập, rèn luyện để nâng cao năng lực bản thân đáp ứng yêu cầu đổi mới, phát triển giáo dục nghề nghiệp.

Tiêu chuẩn 2: Năng lực điều hành, lãnh đạo cơ sở giáo dục nghề nghiệp: Người đứng đầu cơ sở giáo dục nghề nghiệp có năng lực điều hành cơ sở giáo dục nghề nghiệp phù hợp với môi trường giáo dục nghề nghiệp mở, linh hoạt, hiện đại; thích ứng với xu thế phát triển trong tương lai.

Tiêu chuẩn 3: Năng lực quản trị cơ sở giáo dục nghề nghiệp: Người đứng đầu cơ sở giáo dục nghề nghiệp có năng lực thiết lập cơ cấu, tổ chức; năng lực quản trị tổ chức bộ máy, nhân sự, tài chính, tài sản, cơ sở vật chất, tổ chức đào tạo, kiểm tra, đánh giá, kiểm định chất lượng, nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn, chức năng, nhiệm vụ và chiến lược phát triển cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

Tiêu chuẩn 4: Năng lực tạo lập, hợp tác, phát triển các mối quan hệ xã hội: Người đứng đầu cơ sở giáo dục nghề nghiệp có năng lực, kỹ năng đàm phán, hợp tác phát triển mối quan hệ với đối tác, nhà tài trợ, đơn vị truyền thông; chia sẻ giá trị, thực hiện trách nhiệm xã hội.

Dự thảo cũng đề xuất quy trình đánh giá, xếp loại kết quả đánh giá theo tiêu chuẩn. Theo đó, người đứng đầu cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá theo chuẩn.

Phó hiệu trưởng/Phó giám đốc trung tâm giáo dục nghề nghiệp chủ trì, tổ chức lấy ý kiến đánh giá mức độ đạt chuẩn người đứng đầu cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

Thủ trưởng cơ quan, đơn vị quản lý trực tiếp cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập, hội đồng quản trị hoặc thành viên sở hữu cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự thực hiện đánh giá mức độ đạt chuẩn của người đứng đầu trên cơ sở kết quả tự đánh giá của người đứng đầu, ý kiến của đội ngũ cán bộ quản lý, nhà giáo, người lao động, đại diện người học và kết quả thực hiện nhiệm vụ thông qua các minh chứng xác thực, phù hợp; thực hiện thông báo kết quả đánh giá mức độ đạt chuẩn năng lực thực hiện nhiệm vụ của người đứng đầu cơ sở giáo dục nghề nghiệp đến người đứng đầu và cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

*** Bộ Kế hoạch và Đầu tư đang đề nghị xây dựng dự án Luật Đấu thầu (sửa đổi) nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện Luật, nâng cao chất lượng, hiệu quả và bảo đảm cạnh tranh, công bằng, minh bạch của công tác đấu thầu.**

Bộ Kế hoạch và Đầu tư cho biết, Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 được Quốc hội Khóa XIII thông qua tại Kỳ họp thứ VI, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2014. Việc ban hành và thực hiện Luật này trong thời gian qua đã tạo dựng khung pháp lý quan trọng điều chỉnh hoạt động mua sắm, quản lý sử dụng vốn, tài sản của nhà nước, góp phần nâng cao hiệu quả đầu tư, mua sắm bằng nguồn ngân sách nhà nước.

Tuy nhiên, thực tiễn thi hành Luật Đấu thầu trong thời gian qua cũng đặt ra yêu cầu cấp thiết cần phải sửa đổi toàn diện Luật này bởi những lý do chủ yếu như sau: Đến nay các Luật có liên quan đến Luật Đấu thầu đã được sửa đổi, bổ sung (Luật Xây dựng, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Doanh nghiệp, Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp, Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, Luật Kiến trúc, Luật PPP...). Do đó, cần thiết phải sửa đổi, bổ sung các quy định của Luật Đấu thầu có liên quan đến các luật nêu trên nhằm bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất giữa các luật.

Bên cạnh đó, thực tiễn công tác mua sắm, đấu thầu trong thời gian qua đã đặt ra yêu cầu phải sửa đổi bổ sung quy định của pháp luật đấu thầu để đáp ứng đòi hỏi cấp bách trong việc mua sắm phục vụ công tác phòng chống dịch bệnh; cải tiến quy trình lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư nhằm góp phần thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công, sớm đưa công trình vào khai thác, kịp thời phục vụ nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội...

Tại dự thảo, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề xuất chính sách "Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác đấu thầu, bảo đảm cạnh tranh, công bằng, minh bạch trong hoạt động đấu thầu".

Theo đó, mở rộng phạm vi điều chỉnh của Luật Đấu thầu theo hướng bổ sung hoạt động đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư đối với dự án đầu tư kinh doanh (dự án phải tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư theo quy định của pháp luật chuyên ngành, pháp luật xã hội hoá, dự án có từ 2 nhà đầu tư quan tâm thực hiện dự án...).

Sửa đổi, bổ sung các quy định về thời gian lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư theo hướng cắt giảm thời gian thực hiện một số khâu, đồng thời bảo đảm tương thích với các tính năng của Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia (như: Bỏ thủ tục thẩm định hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, kế hoạch lựa chọn nhà thầu; điều chỉnh các mốc thời gian cho phù hợp đối với một số công việc do được thực hiện trực tiếp trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia); quy định thống nhất, cụ thể các mốc thời gian tối đa, tối thiểu cho từng chủ thể tham gia vào quá trình lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư nhằm tiết kiệm thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư nhưng vẫn bảo đảm các mục tiêu cơ bản của công tác đấu thầu.

Đồng thời, dự thảo cũng đề xuất chính sách "Thúc đẩy sản xuất trong nước, mua sắm các sản phẩm đổi mới sáng tạo, mua sắm xanh nhằm mục tiêu phát triển bền vững, tạo công ăn việc làm cho nhóm lao động yếu thế".

Cụ thể, để thúc đẩy sản xuất trong nước, mua sắm các sản phẩm đổi mới sáng tạo: Bổ sung quy định cụ thể về cách tính ưu tiên, ưu đãi đối với các loại hàng hóa này so với hàng hóa nhập khẩu hoặc hàng hóa có tỷ lệ nội địa hóa thấp. Nhà thầu chào các loại hàng hóa có tỷ lệ nội địa hóa lớn sẽ được ưu tiên; các hàng hóa có tỉ lệ nội địa hóa cao sẽ được ưu tiên sử dụng để thay thế cho hàng nhập khẩu.

Bổ sung quy định về quy trình, thủ tục, năng lực, kinh nghiệm đối với nhà thầu sản xuất, cung cấp các sản phẩm đổi mới sáng tạo, điều kiện mua sắm hàng hóa, dịch vụ là các sản phẩm đổi mới, sáng tạo. Bổ sung quy định ưu tiên sử dụng các sản phẩm đổi mới sáng tạo để thay thế hàng nhập khẩu.

Bổ sung nội dung mua sắm công xanh nhằm thực hiện mục tiêu phát triển bền vững, tăng trưởng xanh. Bổ sung quy định về lộ trình bắt buộc các chủ đầu tư khi thực hiện mua sắm phải xem xét và đặt yêu cầu về sản phẩm, dịch vụ cho nhà cung ứng dịch vụ, cụ thể là yêu cầu các sản phẩm phải thân thiện với môi trường, ít phát thải, tiêu hao ít năng lượng... hướng tới một nền kinh tế xanh.

Bên cạnh đó, dự thảo cũng đề xuất một chính sách quan trọng nữa là: Nâng cao hiệu lực, hiệu quả của công tác quản lý Nhà nước về đấu thầu; phòng chống tiêu cực, tham nhũng, lãng phí trong hoạt động đấu thầu.

Giải pháp thực hiện chính sách này là bổ sung quy định về thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm toán các hoạt động đấu thầu theo hướng cụ thể hơn, chặt chẽ hơn, đặc biệt cần bổ sung quy trình kiểm tra, giám sát cụ thể và các quy định về hậu thanh tra, kiểm tra, giám sát nhằm kịp thời phát hiện, ngăn chặn và đẩy lùi các hành vi vi phạm trong đấu thầu, góp phần thực

hiện tốt công tác phòng chống tiêu cực, tham nhũng, lãng phí. Bổ sung chế tài xử lý vi phạm đối với người có thẩm quyền, chủ đầu tư, bên mời thầu.

*** Bộ Tài chính đang lấy ý kiến góp ý của nhân dân với dự thảo Thông tư hướng dẫn tái cơ cấu doanh nghiệp không đủ điều kiện cổ phần hóa và chuyển nhượng lô cổ phần kèm nợ phải thu của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ có chức năng mua, bán, xử lý nợ.**

Dự thảo Thông tư này hướng dẫn tái cơ cấu doanh nghiệp không đủ điều kiện cổ phần hóa theo quy định tại Khoản 2 Điều 4 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP, điểm b Khoản 2 Điều 1 Nghị định số 140/2020/NĐ-CP thông qua xử lý nợ để chuyển thành công ty cổ phần.

Dự thảo nêu rõ nguyên tắc tái cơ cấu doanh nghiệp thông qua hoạt động mua bán nợ. Theo đó, phương án tái cơ cấu được thực hiện trên nguyên tắc đồng thuận giữa cơ quan đại diện chủ sở hữu doanh nghiệp tái cơ cấu với Công ty mua bán nợ Việt Nam và/hoặc các chủ nợ tham gia tái cơ cấu (lập biên bản thỏa thuận giữa các bên). Công ty mua bán nợ Việt Nam được quyền chủ động đàm phán mua nợ với các chủ nợ và đề xuất phương án tái cơ cấu doanh nghiệp phù hợp với quy định của pháp luật.

Công ty mua bán nợ Việt Nam chỉ quyết định mua nợ sau khi đã thỏa thuận, thống nhất với cơ quan đại diện chủ sở hữu và có kết quả đàm phán mua nợ với các chủ nợ của doanh nghiệp tái cơ cấu. Phương án mua bán nợ để tái cơ cấu doanh nghiệp phải đảm bảo có tính khả thi, có khả năng thu hồi vốn hiệu quả và đủ nguồn chênh lệch giữa giá vốn mua nợ với giá trị sổ sách khoản nợ để xử lý tài chính, chuyển đổi thành công doanh nghiệp sang công ty cổ phần theo quy định.

Chuyển nợ thành vốn góp và bán cổ phần lần đầu

Công ty mua bán nợ Việt Nam và các chủ nợ tham gia tái cơ cấu doanh nghiệp được chuyển nợ thành vốn góp cổ phần theo nguyên tắc thỏa thuận và được cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt trong phương án tái cơ cấu.

Doanh nghiệp tái cơ cấu thực hiện trình tự, thủ tục, phương thức bán và giá bán cổ phần lần đầu theo quy định tại Nghị định số 126/2017/NĐ-CP, Nghị định số 140/2020/NĐ-CP và Thông tư số 32/2021/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của doanh nghiệp nhà nước và Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ chuyển đổi thành Công ty cổ phần. Trong đó, cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định giá bán cổ phần cho người lao động và tổ chức công đoàn tại doanh nghiệp tái cơ cấu không thấp hơn 60% mệnh giá cổ phần.

Chính sách đối với người lao động dôi dư trong doanh nghiệp tái cơ cấu thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước đối với doanh nghiệp nhà nước khi cổ phần hóa.

Nguồn kinh phí giải quyết chính sách đối với người lao động dôi dư trong doanh nghiệp tái cơ cấu thực hiện theo nguyên tắc toàn bộ tiền thu từ cổ phần hóa theo quy định tại Khoản 1 Điều 12 Thông tư số 32/2021/TT-BTC sau khi trừ tổng mệnh giá cổ phần đã bán được sử dụng để chi trả cho người lao động dôi dư.

Việc quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa, tái cơ cấu của doanh nghiệp thực hiện theo quy định tại Thông tư 32/2021/TT-BTC. Trong đó: Toàn bộ tiền thu từ bán cổ phần sau khi trừ tổng mệnh giá cổ phần đã bán được dùng để giải quyết chính sách đối với người lao động dôi dư và chi phí chuyển đổi doanh nghiệp quy định. Phần còn lại (nếu có) để lại cho công ty cổ phần quản lý, sử dụng.

Sau khi được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp chuyển thành công ty cổ phần, doanh nghiệp tái cơ cấu có trách nhiệm quyết toán các khoản chi cho người lao động dôi dư và chi phí chuyển đổi, báo cáo Ban chỉ đạo cổ phần hóa, tái cơ cấu để báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt.

Nguồn: baohinhphu.vn

HÀ NỘI: 100% CÁN BỘ, CÔNG CHỨC ĐƯỢC ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG TRƯỚC KHI BỔ NHIỆM

Ngày 29/10/2021, Ban Thường vụ Thành ủy Hà Nội ban hành Kế hoạch số 46-KH/TU về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức TP. Hà Nội giai đoạn 2022 - 2025. Đáng chú ý, đối với cán bộ, công chức, 100% cán bộ, công chức được đào tạo, bồi dưỡng đáp ứng yêu cầu, tiêu chuẩn quy định trước khi bổ nhiệm ngạch, bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo, quản lý...

Để hoàn thành mục tiêu, chỉ tiêu đào tạo, bồi dưỡng theo Nghị quyết Đại hội đại biểu lần thứ XVII Đảng bộ thành phố; Chương trình số 01-CT/TU ngày 17/3/2021 của Thành ủy (khóa XVII) về “Tăng cường công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, xây dựng Đảng bộ và hệ thống chính trị TP trong sạch, vững mạnh; đẩy mạnh cải cách hành chính giai đoạn 2021 - 2025”, TP. Hà Nội sẽ tập trung đào tạo, bồi dưỡng cán bộ đương chức và quy hoạch các chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp; cán bộ, công chức trong các cơ quan Đảng, Nhà nước, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp huyện, cấp thành phố.

TP. Hà Nội cũng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã và những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn và ở thôn, tổ dân phố; viên chức các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân thành phố; viên chức các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc sở, cơ quan tương đương sở, Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã; đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp.

Mục tiêu đến năm 2025, cán bộ diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý có 40% được đào tạo, bồi dưỡng đạt trình độ thạc sĩ, tiến sĩ; 100% cán bộ được quy hoạch vào các chức danh cán bộ diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý được đào tạo cao cấp lý luận chính trị; 100% cán bộ diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý được bồi dưỡng, cập nhật, bổ sung kiến thức hàng năm theo quy định của Bộ Chính trị.

Đối với cán bộ, công chức, 100% cán bộ, công chức được đào tạo, bồi dưỡng đáp ứng yêu cầu, tiêu chuẩn quy định trước khi bổ nhiệm ngạch, bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo, quản lý; 100% cán bộ lãnh đạo, quản lý từ cấp phòng trở lên có trình độ chuyên môn đại học, lý luận chính trị từ trung cấp trở lên. Bảo đảm hàng năm ít nhất 80% cán bộ, công chức được cập nhật kiến thức pháp luật, được bồi dưỡng về đạo đức công vụ; 70% được bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng, phương pháp thực thi công vụ.

Đối với cán bộ, công chức cấp xã, 100% cán bộ, công chức cấp xã được đào tạo, bồi dưỡng có trình độ chuyên môn từ trung cấp trở lên và chuyên môn phù hợp với vị trí đảm nhiệm. Hàng năm, ít nhất 60% cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng, phương pháp, đạo đức công vụ. 20% cán bộ, công chức cấp xã và 15% cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý cấp xã dưới 40 tuổi được đào tạo, bồi dưỡng đạt trình độ ngoại ngữ bậc 3 trở lên theo quy định.

Đối với viên chức, 100% viên chức được bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp; 100% viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý được bồi dưỡng năng lực, kỹ năng quản lý trước khi bổ nhiệm. Hàng năm, ít nhất 60% viên chức được bồi dưỡng về đạo đức nghề nghiệp; cập nhật nâng cao kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp chuyên ngành.

Ngoài ra, 100% đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026 được bồi dưỡng kiến thức pháp luật; kiến thức, kỹ năng và phương pháp hoạt động. Đại biểu được bồi dưỡng cập nhật kiến thức, kỹ năng và phương pháp hoạt động ít nhất 1 lần trong nhiệm kỳ.

Nguồn: kinhtedothi.vn

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH: QUẬN 11 ỨNG DỤNG QR CODE TRONG TRA CỨU THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC TƯ PHÁP

Để tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân trong giải quyết thủ tục hành chính, Ủy ban nhân dân Quận 11, TP. Hồ Chí Minh thiết kế mã QR Code để tra cứu thủ tục hành chính qua Trang thông tin điện tử của Quận 11.

Việc sử dụng quét mã QR Code, người dân, tổ chức chỉ cần dùng điện thoại thông minh sử dụng ứng dụng Camera hoặc ứng dụng Zalo để quét mã QR Code của chuyên trang để truy cập thông tin thủ tục hành chính, hướng dẫn về thành phần hồ sơ, thời gian giải quyết, lệ phí đăng ký và nhiều thông tin có liên quan về thủ tục hành chính trên từng thủ tục. Ứng dụng quét mã QR Code trong tra cứu thủ tục hành chính thực hiện tại Ủy ban nhân dân Quận 11 gồm 32 mã QR Code tương ứng với 32 thủ tục hành chính trên các lĩnh vực Chứng thực, Hộ tịch, Trách nhiệm bồi thường Nhà nước và Hòa giải.

Trên cơ sở thực hiện ứng dụng quét mã QR Code giúp người dân tiết kiệm thời gian, công sức và giảm thiểu việc đi lại, phát huy hiệu quả, hạn chế số lượng hồ sơ cần bổ sung, xác minh dẫn đến việc giải quyết chậm trễ; các thủ tục hành chính được công khai minh bạch, tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức dễ tiếp cận khi đến giao dịch, từ đó, chất lượng giải quyết thủ tục hành chính được nâng cao.

Có thể thấy, cùng với các hình thức niêm yết, phổ biến, giáo dục pháp luật, hình thức truyền tải thông tin qua ứng dụng quét mã QR Code giúp việc tiếp cận các thủ tục hành chính liên quan trực tiếp đến từng lĩnh vực một cách nhanh chóng, kịp thời.

Đến nay, Ủy ban nhân dân Quận 11 đã triển khai và phát hành các mã QR Code tại bảng công khai thủ tục hành chính và các trang thông tin của Quận 11, Ủy ban nhân dân 16 phường, khu phố và tổ dân phố qua hình thức tờ gấp.

Ủy ban nhân dân Quận 11 hướng dẫn cách thức tra cứu mã QR Code và cung cấp 32 mã QR Code theo danh mục dưới đây để các tổ chức và cá nhân thuận tiện trong việc tra cứu thủ tục hành chính.

Kim Chi, Trưởng phòng Phòng Tư pháp Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

THÁI NGUYÊN: TĂNG TỐC CHUYỂN ĐỔI SỐ, XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ

Cổng thông tin điện tử tỉnh Thái Nguyên là đơn vị tích hợp dữ liệu, trong đó Trung tâm điều hành thông minh là nền tảng thúc đẩy chuyển đổi số quốc gia, xây dựng chính quyền điện tử tại tỉnh Thái Nguyên.

Đi vào hoạt động từ tháng 7/2020, Trung tâm điều hành thông minh tỉnh Thái Nguyên với khả năng tích hợp dữ liệu, cùng phần mềm điều khiển trung tâm, đã tạo ra một góc nhìn bao quát địa phương trên mọi lĩnh vực. Qua đó, hỗ trợ tích cực cho các cấp, các ngành trong công tác chỉ đạo, điều hành các hoạt động kinh tế, xã hội địa phương.

Với nền tảng công nghệ hiện đại, Trung tâm điều hành thông minh tỉnh Thái Nguyên cho phép kết nối, trích xuất dữ liệu, tiếp nhận thông tin phản ánh của mọi người dân, doanh nghiệp phục vụ công tác nghiên cứu, chỉ đạo điều hành của cơ quan hành chính nhà nước, các cấp chính quyền... Trung tâm còn cho phép người dân theo dõi kết quả xử lý, phản ánh một cách công khai, minh bạch.

Để tiếp nhận những phản ánh của người dân, Cổng thông tin điện tử tỉnh Thái Nguyên tiếp nhận những phản ánh, kiến nghị của người dân qua hòm thư điện tử. Từ đó những kiến nghị của người dân được giải quyết nhanh chóng, hiệu quả.

“Rất hiệu quả khi người dân dùng điện thoại chụp ảnh, quay phim gửi ngay hình ảnh cho chính quyền. Ngoài ra người dân còn có thể xem camera biết chỗ nào giao thông tắc tránh chỗ khác rất thuận tiện” - một người dân thành phố Thái Nguyên nêu ý kiến.

Hiện nay, Trung tâm điều hành thông minh tỉnh Thái Nguyên đã tích hợp, hiển thị thông tin điều hành mọi dữ liệu từ nhiều lĩnh vực, như: y tế, giáo dục, giao thông... cùng với nền tảng quản lý camera tập trung, hệ thống giám sát thông tin môi trường mạng, phòng họp không giấy tờ, hệ thống hồ sơ sức khỏe điện tử...

Qua nền tảng quản lý camera tập trung, Trung tâm điều hành thông minh đã hỗ trợ hiệu quả cho công tác phòng, chống dịch COVID-19 tại địa phương. Những khu vực có ca F0, F1... đều được đánh dấu, hiển thị trên màn hình của hệ thống. Người dân có thể truy cập để biết khu vực nào có dịch, nơi nào an toàn. Việc đưa Trung tâm điều hành thông minh vào hoạt động đã góp phần đảm thực hiện “mục tiêu kép” vừa phát triển kinh tế - xã hội, vừa phòng, chống dịch hiệu quả tại tỉnh Thái Nguyên.

Trong xây dựng chính quyền điện tử, hướng đến chính quyền số, tỉnh Thái Nguyên có hàng nghìn thủ tục hành chính được thực hiện trên Cổng dịch vụ công trực tuyến, kết nối, đồng bộ với 100% hệ thống một cửa điện tử trên toàn tỉnh. Từ đầu năm đến nay, hệ thống điều hành đã gửi/nhận gần 80.000 văn bản, tiết kiệm nhiều tỷ đồng, hàng triệu giờ công lao động. Qua đó, nâng cao chất lượng công tác quản lý cũng như phục vụ đời sống cho người dân.

Giám đốc Trung tâm thông tin, Cổng thông tin điện tử tỉnh Thái Nguyên Tạ Văn Lộc cho biết: “Trung tâm điều hành thông minh ra đời đem lại hiệu quả thiết thực cho chính quyền và

người dân. Từ thông tin này chính quyền có thể biết được các thông tin các lĩnh vực như phòng chống dịch, an toàn giao thông, môi trường. Cốt lõi của thông tin là những phản ánh hiện trường, người dân được tham gia quản lý xã hội. Khi thấy những vấn đề bất cập người dân có thể dùng điện thoại chụp gửi đến trung tâm, thông qua đó chính quyền sẽ giải quyết”.

Với quyết tâm xây dựng chính quyền đô thị thông minh, tỉnh Thái Nguyên đã tạo được nhiều đột phá về cải cách kinh tế - xã hội, đặc biệt là hiện đại hóa trong công tác quản lý hành chính. Việc đẩy mạnh hoàn thiện Trung tâm điều hành thông minh thể hiện sự nỗ lực, quyết tâm của tỉnh Thái Nguyên trong xây dựng nền hành chính công khai, minh bạch, hiệu quả, hướng đến xây dựng đô thị thông minh, văn minh, hiện đại.

Nguồn: vov.vn

TUYÊN QUANG: KHAI TRƯƠNG TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG

Ngày 01/11, Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang tổ chức Lễ khai trương Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Tuyên Quang, đặt tại Tòa nhà Bưu điện tỉnh Tuyên Quang.

Trung tâm là đầu mối tập trung của các cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và một số cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn thực hiện việc tiếp nhận, hướng dẫn, phối hợp giải quyết và trả kết quả giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính cho cá nhân, tổ chức.

Tại Buổi lễ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang Nguyễn Văn Sơn nhấn mạnh, cải cách hành chính đã được Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh xác định là một trong 5 nhiệm vụ trọng tâm. Để khắc phục những tồn tại, hạn chế trong giải quyết thủ tục hành chính, hướng tới xây dựng nền hành chính phục vụ, chuyên nghiệp, hiện đại, Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh vào hoạt động sẽ là đầu mối giải quyết hơn 1.400 thủ tục hành chính cho các tổ chức, doanh nghiệp, công dân thuộc các trách nhiệm của 20 sở, ban, ngành.

Từ nay, ngoài các thủ tục hành chính đặc thù người dân chỉ cần đến địa chỉ duy nhất đó là Trung tâm Phục vụ hành chính công. Để Trung tâm đi vào hoạt động hiệu quả, đạt được mong muốn, mục tiêu đề ra, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang Nguyễn Văn Sơn đề nghị, ngay sau khi khai trương đi vào hoạt động Trung tâm sẽ sớm ổn định tổ chức, phân công nhiệm vụ cụ thể cho cán bộ, công chức; thực hiện nghiêm quy chế tổ chức hoạt động, triệt để ứng dụng công nghệ thông tin giải quyết kịp thời những khó khăn, vướng mắc cho người dân, thực hiện bảo đảm đúng quy trình, thời gian; thực hiện đánh giá mức độ hài lòng của tổ chức, người dân thực chất, khách quan.

Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Tuyên Quang có nhiệm vụ công khai đầy đủ văn bản danh mục thủ tục hành chính theo quy định của pháp luật, hỗ trợ những trường hợp không có khả năng tiếp cận thủ tục hành chính được công khai bằng phương tiện điện tử; tiếp nhận hồ sơ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết hoặc liên thông giải quyết của Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, những thủ tục hành chính thuộc

thẩm quyền giải quyết hoặc liên thông giải quyết của các cơ quan được tổ chức theo hệ thống ngành dọc trên địa bàn tỉnh; hướng dẫn cá nhân, tổ chức khi đến Trung tâm liên hệ giải quyết thủ tục hành chính; tiếp nhận hồ sơ thủ tục hành chính; giải quyết hoặc chuyển hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính; theo dõi, đôn đốc, đánh giá việc giải quyết và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân...

Trung tâm Phục vụ hành chính công đi vào hoạt động hiệu quả sẽ tạo sự đột phá trong phục vụ người dân và doanh nghiệp, cải thiện, nâng cao chất lượng các chỉ số cải cách hành chính, chỉ số hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu Nghị quyết Đại hội đại biểu tỉnh lần thứ XVII đã đề ra.

Nguồn: nhandan.vn

THANH HÓA: BAN HÀNH BỘ TIÊU CHÍ VÀ PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

Ngày 29/10/2021, Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa đã ban hành Quyết định số 4308/QĐ-UBND về việc ban hành Bộ tiêu chí và phương pháp xác định Chỉ số cải cách hành chính của các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh.

Mục tiêu của việc ban hành Bộ tiêu chí và phương pháp xác định Chỉ số cải cách hành chính nhằm theo dõi, đánh giá thực chất, khách quan và công bằng kết quả thực hiện cải cách hành chính hàng năm của các sở, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã. Xây dựng công cụ đánh giá để xác định Chỉ số cải cách hành chính của các sở, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã theo đặc điểm, tính chất quản lý nhà nước của ngành, địa phương. Đồng thời, hàng năm tổ chức triển khai xác định, công bố Chỉ số cải cách hành chính của các sở, ngành, địa phương.

Bộ tiêu chí đánh giá, xác định Chỉ số cải cách hành chính các sở, ngành cấp tỉnh gồm 7 nội dung với 40 tiêu chí và 64 tiêu chí thành phần. Bộ tiêu chí đánh giá, xác định Chỉ số cải cách hành chính cấp huyện gồm 7 nội dung với 40 tiêu chí và 84 tiêu chí thành phần. Bộ tiêu chí đánh giá, xác định Chỉ số cải cách hành chính cấp xã gồm 7 nội dung với 34 tiêu chí và 51 tiêu chí thành phần.

Việc xếp hạng Chỉ số cải cách hành chính của các sở, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã được tính trên cơ sở tổng điểm của các tiêu chí theo nhóm thứ tự từ đơn vị có điểm cao đến đơn vị có điểm thấp so với số điểm tối đa và được xếp hạng như sau: Đạt từ 90% số điểm trở lên so với số điểm tối đa: Xếp loại xuất sắc. Đạt từ 80% đến dưới 90% số điểm so với số điểm tối đa: Xếp loại tốt. Đạt từ 70% đến dưới 80% số điểm so với số điểm tối đa: Xếp loại khá. Đạt từ 50% đến dưới 70% số điểm so với số điểm tối đa: Xếp loại trung bình. Đạt dưới 50% số điểm so với số điểm tối đa: Xếp loại yếu.

Trên cơ sở đánh giá của các thành viên Tổ thẩm định, Sở Nội vụ tổng hợp, xây dựng báo cáo, thực hiện công bố Chỉ số cải cách hành chính của các sở, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện. Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện đánh giá, công bố Chỉ số cải cách hành chính hàng năm của Ủy ban nhân dân cấp xã.

Nguồn: baothanhhoa.vn

QUẢNG NAM: PHÁT ĐỘNG THI ĐUA NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH QUA DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN MỨC ĐỘ 3, 4

Triển khai Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử và các chỉ tiêu về dịch vụ công trực tuyến được giao tại Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2021 của Chính phủ, ngày 02/11/2021, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam đã ban hành Kế hoạch phát động đợt thi cao điểm nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4.

Mục đích của Kế hoạch là tuyên truyền phổ biến mục tiêu, tầm quan trọng trong việc sử dụng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4. Tăng cường sự tham gia của người dân, tổ chức trong việc thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4. Nâng cao vai trò của mỗi cán bộ, công chức, viên chức trong việc hướng dẫn người dân, tổ chức thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính, nâng cao kỹ năng của cán bộ, công chức, viên chức trong giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường mạng.

Đối tượng thi đua gồm 05 nhóm: Nhóm 1: bao gồm các Sở, Ban, ngành; Nhóm 2: bao gồm Ủy ban nhân dân các huyện miền núi; Nhóm 3: bao gồm Ủy ban nhân dân các huyện đồng bằng, thị xã, thành phố; Nhóm 4: bao gồm các xã, thị trấn thuộc Ủy ban nhân dân các huyện miền núi; Nhóm 5: bao gồm các xã, phường, thị trấn thuộc Ủy ban nhân dân các huyện đồng bằng, thị xã, thành phố.

Các tiêu chí để làm căn cứ trao giải: Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính giải quyết bằng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 của các cơ quan, đơn vị, địa phương tối thiểu đạt 10% so với tổng số hồ sơ thủ tục hành chính đã giải quyết. Tỷ lệ phần trăm (%) hồ sơ thủ tục hành chính giải quyết bằng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 đúng hạn, trước hạn trên tổng số hồ sơ thủ tục hành chính đã giải quyết của các cơ quan, đơn vị, địa phương được xếp theo thứ tự từ cao xuống thấp tính theo thang điểm 100. Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính trễ hạn sẽ được quy đổi thành điểm trừ: nếu tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính bị trễ hạn 1% trên tổng số hồ sơ thủ tục hành chính được giải quyết thì trừ 01 điểm; điểm trừ tối đa 05 điểm.

Thời gian phát động thi đua tính từ ngày 01/11/2021 đến ngày 31/5/2022. Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam sẽ tiến hành tổng kết và trao giải theo từng nhóm.

Công Vũ, Sở Nội vụ tỉnh Quảng Nam

KHÁNH HÒA: BAN HÀNH CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG NÂNG CAO CHỈ SỐ NĂNG LỰC CẠNH TRANH CẤP TỈNH

Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa vừa ban hành Chương trình hành động nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2021.

Chương trình nhằm phát huy những kết quả tích cực, khắc phục những hạn chế, yếu kém trong thời gian vừa qua; xác định trách nhiệm của các ngành, cấp trong việc cải thiện chỉ số PCI của tỉnh năm 2021. Trên cơ sở cải thiện Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, tạo động lực thu hút đầu tư, phát triển doanh nghiệp, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội năm 2021. Đồng thời, xác định khung hành động cụ thể để tạo chuyển biến đồng bộ, thực chất trên các tiêu chí thành phần của Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, phấn đấu Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh của tỉnh cải thiện sau mỗi năm và nằm trong nhóm có chất lượng điều hành “tốt” vào năm 2025, phấn đấu xếp hạng trong nhóm 15 tỉnh, thành phố dẫn đầu cả nước.

Chương trình đề ra nhiều nhiệm vụ, giải pháp thực hiện như: Tăng cường công tác thông tin và truyền thông, nâng cao nhận thức của các cấp, ngành về tầm quan trọng của việc cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh của tỉnh và xác định đây là nhiệm vụ trọng tâm trong chỉ đạo điều hành; tập trung đẩy mạnh cải cách hành chính, trọng tâm là thực hiện tốt cơ chế một cửa, một cửa liên thông; nâng cấp, hoàn thiện Trung tâm Dịch vụ hành chính công trực tuyến của tỉnh; 100% dịch vụ công trực tuyến của tỉnh được tích hợp với Cổng dịch vụ công quốc gia...

Nguồn: baokhanhhoa.vn

ĐỒNG THÁP: PHÊ DUYỆT ĐỀ ÁN TĂNG CƯỜNG NĂNG LỰC ĐỘI NGŨ CÔNG CHỨC THAM MƯU THỰC HIỆN CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH GIAI ĐOẠN 2021 - 2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030

Ngày 21/10/2021, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp ký Quyết định số 1601/QĐ-UBND-HC ban hành Đề án “Tăng cường năng lực đội ngũ công chức tham mưu thực hiện cải cách hành chính tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030”.

Đề án nhằm tăng cường năng lực tham mưu thực hiện cải cách hành chính cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức các cơ quan, đơn vị, địa phương, thông qua nhiều hình thức đa dạng; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chuyên nghiệp, đủ phẩm chất, năng lực tham mưu, triển khai hiệu quả công tác cải cách hành chính giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030. Đề án đặt mục tiêu cụ thể đến năm 2025: 100% đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức tham mưu thực hiện công tác cải cách hành chính được tham gia tập huấn bồi

dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ; hội nghị tuyên truyền, giao lưu học tập kinh nghiệm thực tế; 100% đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức tham mưu thực hiện công tác cải cách hành chính được tiếp cận các tài liệu có liên quan đến công tác cải cách hành chính; Trên 90% đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức tham mưu thực hiện công tác cải cách hành chính có khả năng tham mưu các kế hoạch, báo cáo; tham mưu triển khai đầy đủ các nhiệm vụ của cải cách hành chính trong cơ quan, đơn vị, địa phương đạt chất lượng tốt.

Để thực hiện được mục tiêu trên, Đề án tập trung vào những nội dung hoạt động trọng tâm: (1) Xây dựng chương trình bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ; tài liệu tập huấn kiến thức, kỹ năng; (2) Nghiên cứu ứng dụng công nghệ thông tin cập nhật các nghiệp vụ công tác cải cách hành chính, tạo kênh thông tin chính thống, đầy đủ, tiếp cận nhanh chóng, dễ dàng các nội dung cần thiết; (3) Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng, tập huấn hằng năm, chú trọng đến từng vị trí tham mưu để có chuyên đề, phương pháp tập huấn phù hợp; (4) Tổ chức các Hội thảo; Chương trình đối thoại; học tập kinh nghiệm cải cách hành chính trong và ngoài tỉnh; (5) Nghiên cứu hình thức tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng nghiệp vụ cải cách hành chính trực tuyến.

Tăng cường năng lực đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức tham mưu thực hiện cải cách hành chính phải đáp ứng yêu cầu gắn với việc bố trí phù hợp với vị trí việc làm của từng cơ quan, đơn vị, địa phương; Bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ được thực hiện thường xuyên, liên tục với nhiều hình thức, chú trọng nghiên cứu thực tiễn, học tập từ thực tiễn; Bố trí đủ kinh phí, nguồn lực để thực hiện.

Xây dựng một đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức thực hiện công tác cải cách hành chính có năng lực tham mưu tốt, nghiệp vụ tinh thông, am hiểu thực tiễn, có năng lực tư duy, sáng tạo là một yếu tố quan trọng góp phần thực hiện thành công mục tiêu, nhiệm vụ trên lộ trình cải cách hành chính của tỉnh trong thời gian tới.

Trần Trang, Vụ Cải cách hành chính, Bộ Nội vụ

CÁC YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN XÂY DỰNG CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT PHÁT TRIỂN VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở VIỆT NAM

Việt Nam là một quốc gia đa dân tộc, có 54 tộc người anh em sinh sống, trong đó có 53 dân tộc thiểu số với gần 14 triệu người (chiếm khoảng 14,3% dân số cả nước⁽¹⁾). Trải qua hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước, các dân tộc thiểu số Việt Nam đã tích lũy được một kho tàng văn hóa dân tộc hết sức độc đáo và đa dạng. Các tín ngưỡng, phong tục tập quán, truyền thống lâu đời đã tạo cho mỗi dân tộc có bản sắc văn hóa riêng biệt, góp phần quan trọng làm đa dạng và phong phú văn hóa Việt Nam. Việc xây dựng, hoàn thiện chính sách, pháp luật phù hợp để thúc đẩy phát triển các vùng dân tộc thiểu số cần phải dựa trên cơ sở nghiên cứu một cách thấu đáo, toàn diện những tác động của các đặc điểm văn hoá, xã hội của các dân tộc thiểu số.

1. Tác động của các yếu tố kinh tế - xã hội

1.1. Tác động của sự phát triển không đồng đều

Sự kém phát triển về nhiều mặt và tỷ lệ đói nghèo cao của đồng bào các dân tộc thiểu số so với mức phát triển trung bình nói chung và so với người Kinh nói riêng cho thấy cần có chính sách kinh tế - xã hội hợp lý để nhanh chóng rút ngắn khoảng cách đó. Khi hoạch định chính sách, bên cạnh việc quan tâm đến mức độ phát triển chậm của các dân tộc thiểu số nói chung, còn phải chú ý đến sự phát triển không đồng đều giữa các dân tộc. Do đó, cần có những quy định mang tính ưu tiên đối với dân tộc thiểu số nói chung và các ưu tiên cụ thể, phù hợp với trình độ phát triển của các nhóm dân tộc thiểu số khác nhau. Bên cạnh các quy định của pháp luật, cần phải xây dựng các chương trình, đề án đặc biệt, hướng đến việc tạo điều kiện cho sự phát triển của các nhóm dân tộc thiểu số. Các đề án, chương trình cần dựa vào kết quả điều tra cụ thể để xây dựng một bản quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội có tính dài hạn, xác định các mục tiêu cụ thể và lộ trình đạt được các mục tiêu đó.

Xây dựng chính sách cần phải xử lý mối quan hệ giữa chính sách cho vùng, cộng đồng, cho hộ gia đình nói chung với chính sách dân tộc, tránh các can thiệp chồng chéo và không phù hợp. Hiện nay, nhiều chính sách về dân tộc thường được thiết kế theo phương thức “một can thiệp phù hợp cho tất cả”, trong khi đặc điểm mỗi vùng miền, địa phương, dân tộc là rất khác biệt. Điều này không chỉ làm giảm sự phù hợp của chính sách, mà còn hạn chế tính sáng tạo, hiệu quả thực hiện chính sách ở cấp địa phương. Vì vậy, cần quan tâm sử dụng phương pháp tiếp cận nhân học phát triển để phát huy những giá trị văn hóa và nguồn lực nội tại của các nhóm dân tộc thiểu số cho phát triển.

Để chính sách, pháp luật thực sự đi vào cuộc sống, phải xây dựng theo cách tiếp cận từ dưới lên, tránh việc đưa ra các mục tiêu, nội dung, nhiệm vụ, định mức thiếu thực tế. Mặt khác, cần tránh việc quy định quá chi tiết, cụ thể các nội dung, định mức, cách thức,... trong từng cơ chế, chính sách vĩ mô, vì như vậy sẽ làm mất tính chủ động, sáng tạo, cũng như làm

giảm “trách nhiệm” của chính quyền địa phương trong tổ chức thực hiện, từ đó làm giảm hiệu quả các chính sách nói chung và cơ chế, chính sách về dân tộc nói riêng.

Mặt khác, mỗi dân tộc thiểu số đều có nguồn năng lực nội sinh và thế mạnh riêng để tồn tại. Vì vậy, các chính sách cần hướng đến việc phát huy các nguồn năng lực nội sinh đó. Không nên đưa ra các chính sách chỉ hỗ trợ mang tính “cho không” như hiện nay mà phải theo hướng “có điều kiện”, nghĩa là người nghèo, hộ nghèo, xã nghèo phải có trách nhiệm khi thụ hưởng chính sách của Nhà nước. Đây là vấn đề mà chính sách giảm nghèo chưa tiếp cận đúng trong thời gian qua. Không quy định điều kiện đối với đối tượng thụ hưởng sẽ dẫn đến tình trạng trông chờ, ỷ lại vào chính sách, vì thế không tạo được động lực phát triển.

1.2. Tác động từ các yếu tố xã hội

Để chính sách ban hành đạt hiệu quả, cần phân tích kỹ, đầy đủ các nguyên nhân cơ bản dẫn đến sự chậm phát triển và tỷ lệ đói nghèo cao. Mặt khác, cần hướng đến việc tạo ra cơ chế, điều kiện để khắc phục các nguyên nhân cơ bản đối với sự chậm phát triển và tỷ lệ đói nghèo cao đó.

Những nguyên nhân dẫn đến tình trạng chậm phát triển và đói nghèo chính là khả năng hạn chế tiếp cận các dịch vụ công. Trước hết, cơ sở hạ tầng như đường sá, điện nước, cơ sở đào tạo, cơ sở y tế, dịch vụ thông tin,... đều ở mức hạn chế khác nhau. Do đó, chính sách ưu tiên đầu tiên là tập trung xây dựng và cải tạo đường giao thông, các cơ sở đào tạo và y tế trên địa bàn cư trú của cộng đồng các dân tộc thiểu số. Ví dụ, vấn đề tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống được cho là bắt nguồn từ nhiều yếu tố, trong đó có nguyên nhân là trình độ dân trí thấp, địa bàn sinh sống biệt lập, ít cơ hội giao lưu, trao đổi, hội nhập với xã hội bên ngoài; cùng với đó là tập quán kết hôn, định kiến giữa các tộc người phát triển và chậm phát triển; hiểu biết chưa đầy đủ về hậu quả của tảo hôn và kết hôn cận huyết thống,... dẫn đến tình trạng này ở các tộc người sống ở khu vực khó khăn vẫn chưa có dấu hiệu chấm dứt. Do tính phức tạp của tình hình, nên giải pháp để giải quyết tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong dân tộc thiểu số cần phải được tiếp cận một cách kiên trì, lâu dài và toàn diện, trong đó, tạo ra điều kiện và động lực cho các dân tộc thiểu số hội nhập và phát triển kinh tế - xã hội là giải pháp căn bản cần được lưu ý.

Các cơ sở y tế ở cách xa khu dân cư là một trong những nguyên nhân dẫn đến việc tiếp cận các dịch vụ khám, chữa bệnh còn khó khăn.

Để giải quyết thực trạng trên, ngoài các biện pháp thúc đẩy nhanh sự phát triển kinh tế - xã hội, tuyên truyền, phổ biến cho người dân về lợi ích trong sử dụng thẻ bảo hiểm y tế,... cần có các chính sách phù hợp nhằm đạt mục tiêu nâng tỷ lệ sử dụng và sử dụng có hiệu quả thẻ bảo hiểm y tế trong đồng bào dân tộc thiểu số, cụ thể như: có mô hình hợp lý đầu tư phát triển y tế(1) (cả về cơ sở vật chất, trang thiết bị và nhân lực) cho vùng dân tộc thiểu số khó khăn và đặc biệt khó khăn (ưu tiên 2 địa bàn miền núi phía Bắc và Tây Nguyên) thông qua cơ chế đặc thù, ưu tiên phát triển mạnh y tế thôn, bản - trạm y tế xã - phòng khám đa khoa khu vực và bệnh viện huyện khác với mô hình đầu tư y tế ở khu vực đồng bằng.

Nguyên nhân của tình trạng đói nghèo cao, còn do trình độ và kỹ năng lao động của nguồn nhân lực là người thiểu số quá thấp. Tình trạng mù chữ ở người trưởng thành đang là thách thức lớn với các dân tộc thiểu số. Lực lượng lao động đã qua đào tạo có tỷ lệ rất thấp và có sự phân hóa cao giữa các dân tộc thiểu số khác nhau. Trung bình chỉ có 6,2% tỷ lệ lực lượng lao động đã qua đào tạo, bằng 1/3 so với tỷ lệ trung bình của lực lượng lao động cả nước. Nhóm thấp nhất có tỷ lệ trung bình dưới 2%, trong khi chỉ số này ở nhóm cao nhất đạt tỷ lệ trên 7%. Có sự chênh lệch lớn giữa nam và nữ về trình độ học vấn và việc làm do nhiều nguyên nhân, trong đó chủ yếu vẫn là tư tưởng trọng nam khinh nữ, vẫn nạn tảo hôn, các quan niệm cổ hủ, lạc hậu về việc phụ nữ phải làm việc nhà, chăm lo cho gia đình không nên học nhiều. Ngoài ra, nhiều phụ nữ dân tộc thiểu số phải đảm đương các hoạt động nông nghiệp, lâm nghiệp, không có điều kiện đi học.

Trình độ dân trí của các dân tộc thiểu số nhìn chung còn thấp so với mức trung bình của cả nước đã có những tác động không nhỏ vào quá trình xây dựng chính sách và văn bản pháp luật phát triển đối với dân tộc thiểu số. Để các chính sách, pháp luật đi vào cuộc sống thì bên cạnh các chính sách chung cần phải có các chính sách phục vụ cho việc tuyên truyền, phổ biến các văn bản pháp luật phù hợp với trình độ dân trí của cộng đồng các dân tộc thiểu số. Trong đó, cần phải quan tâm phát huy vai trò của các già làng, trưởng bản, những người có uy tín trong cộng đồng. Công tác tuyên truyền, phổ biến các chính sách, chế độ của Nhà nước đối với cộng đồng các dân tộc thiểu số cần phải có cách tiếp cận riêng với từng nhóm cộng đồng dân tộc do họ có trình độ dân trí khác nhau.

Số liệu điều tra gần đây cho thấy, mọi chỉ tiêu phát triển xã hội của các dân tộc thiểu số đều đang ở mức thấp, vì vậy, xây dựng chính sách và văn bản pháp luật cho phát triển các dân tộc thiểu số cần phải có tính hệ thống, đồng bộ. Trước hết là đồng bộ giữa mục tiêu đề ra với giải pháp và nguồn lực thực hiện. Hiện nay, các chính sách thường rơi vào tình trạng mục tiêu đề ra quá lớn, trong khi các nhiệm vụ, giải pháp, nguồn lực cho dù có được đáp ứng như quy định trong chính sách cũng không thể đạt được mục tiêu đề ra. Việc thiết kế chính sách dân tộc theo ngành, lĩnh vực còn độc lập, thiếu sự gắn kết các chính sách trong một ngành (giáo dục, y tế...) và giữa các ngành khác nhau, tạo ra sự phân tán. Điều này dẫn đến chồng chéo trong các chính sách, không thể thực hiện việc điều phối chung để đạt được hiệu quả một cách toàn diện và tổng thể. Tính đồng bộ của các chính sách phải được xây dựng trong tổng thể chung, dựa vào căn cứ thực tiễn của mỗi vùng, địa phương và của từng tộc người để phối kết hợp các mục tiêu. Ví dụ, nguyên nhân chung của các chỉ tiêu xã hội thấp như giáo dục, đào tạo, kinh tế, thông tin... là do cơ sở hạ tầng kỹ thuật thấp kém, do đó, nếu hoạch định chính sách riêng biệt và điều hành việc thực hiện các chính sách riêng biệt như chính sách phát triển giáo dục, y tế,... đều có mục tiêu về xây dựng cơ sở hạ tầng. Nếu điều phối riêng biệt đương nhiên dẫn đến sự chồng chéo, manh mún, lãng phí.

2. Tác động của các yếu tố văn hóa

2.1. Tác động của yếu tố phong tục, tập quán, luật tục

Các đặc điểm xã hội, văn hóa, phong tục, tập quán cũng như các yếu tố đặc điểm tự nhiên, lịch sử và kinh tế từng vùng, từng dân tộc có tác động lớn trong việc xây dựng chính

sách dân tộc. Để các chính sách có thể đi vào đời sống thực tế thì việc xây dựng chính sách dân tộc và các chương trình dự án phát triển vùng dân tộc thiểu số cần phải được xem xét, tính tới các yếu tố, đặc điểm văn hóa như một điều kiện để bảo đảm cho tính phù hợp của chính sách.

Phong tục, tập quán là một bộ phận quan trọng của hệ thống văn hóa, phản ánh “nhân quan” của một cộng đồng dân tộc về thế giới vũ trụ bao gồm vật chất tự nhiên, môi trường sống xung quanh và những quy tắc ứng xử tương ứng của cộng đồng. Trong lịch sử sinh tồn, để có thể tồn tại và phát triển, các dân tộc, các cộng đồng người phải vượt qua sự cản trở của các thế lực tự nhiên và xã hội để thích ứng, biến đổi, hòa nhập. Các ứng xử đó lặp đi, lặp lại nhiều lần tạo thành nếp sống, nếp nghĩ, biểu hiện rõ nét ở các phong tục, tập quán. Chính các phong tục, tập quán lâu đời này đã tạo nên truyền thống văn hóa, nét đặc thù, điểm khác biệt, hình thành bản sắc của cộng đồng, dân tộc.

Phong tục, tập quán, văn hóa được hình thành trên nền tảng tâm lý xã hội của một cộng đồng, ý thức hệ của một dân tộc. Văn hóa tạo nên sự gắn kết giữa các cá nhân và cộng đồng xã hội trong tính thống nhất và phổ biến. Từ nhận thức chung về thế giới quan và chịu ràng buộc bởi các quy định của luật tục, phong tục, tập quán đã ảnh hưởng sâu sắc đến suy nghĩ, hành vi của mỗi con người, quy định lại những suy nghĩ, hành vi của họ. Từ đó, tạo nên tâm lý xã hội cộng đồng và chuyển hóa cao hơn thành ý thức hệ của một dân tộc, thành thượng tầng kiến trúc của dân tộc, đó là tư tưởng.

Trong một cộng đồng xã hội mà cấp độ và quy mô hẹp như ở các vùng dân tộc thiểu số miền núi nước ta, với nhiều yếu tố biệt lập thì tính liên kết nội tại và sự khác biệt với cái chung của xã hội càng lớn. Vì vậy, mỗi chính sách can thiệp phải phù hợp với thực tiễn đời sống và tình cảm, tâm lý người dân và cộng đồng, định hướng và chuyển hóa từng bước những yếu tố văn hóa đó trong từng bối cảnh cụ thể. Tính phù hợp thể hiện ở việc phát huy được những tinh hoa văn hóa truyền thống, vượt qua được rào cản của các hủ tục, hướng đến cuộc sống mới văn minh, hiện đại, phát triển nhưng vẫn giữ gìn được bản sắc văn hóa của dân tộc mình.

Trong thực tế, mỗi dân tộc thiểu số đều có phong tục, tập quán, nếp nghĩ, luật tục riêng biệt, do đó việc xây dựng chính sách, pháp luật để phát triển các dân tộc thiểu số có thể thực hiện bằng hai phương thức sau:

Thứ nhất, ban hành một đạo luật riêng với tên gọi phù hợp nhằm điều chỉnh các mối quan hệ liên quan đến dân tộc thiểu số, tạo hành lang pháp lý cho phát triển các dân tộc, vùng dân tộc thiểu số. Quan tâm đến các đặc thù về phong tục, tập quán, cách suy nghĩ và tư tưởng của các dân tộc thiểu số để xây dựng luật cho phù hợp.

Thứ hai, không ban hành luật riêng mà tiến hành rà soát lại tất cả luật hiện hành có liên quan để bổ sung, chỉnh sửa các nội dung còn thiếu, chưa phù hợp với vấn đề phát triển các dân tộc thiểu số và vùng dân tộc thiểu số. Cách làm này đòi hỏi phải nghiên cứu kỹ phong tục, tập quán, luật tục liên quan đến từng luật chuyên ngành để có sự bổ sung, sửa đổi phù hợp.

2.2. Sự thay đổi và tiếp biến văn hóa

Hiện nay, cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang diễn ra mạnh mẽ cùng những biến động về môi trường, dịch bệnh đã tạo ra sự thay đổi hết sức quan trọng trong đời sống của các quốc gia, trong đó có các dân tộc thiểu số. Quá trình toàn cầu hóa làm thay đổi quan niệm, ý thức của người dân. Nguy cơ bị mai một các giá trị văn hóa quan trọng trong bản sắc văn hóa và di sản văn hóa có thể diễn ra. Đồng thời, quá trình chuyển dịch dân cư, cư trú đan xen ngày càng trở nên phổ biến làm hình thành các cộng đồng dân cư hỗn hợp nhiều dân tộc. Những biến đổi về môi trường và dịch bệnh cũng dẫn đến những phương thức sống và quan hệ xã hội mới. Thực tế này dẫn đến quá trình hòa trộn, đan xen giữa các xu hướng trong giao thoa văn hóa, tiếp biến văn hóa, điều chỉnh và bảo lưu văn hóa giữa các tộc người. Bởi vì, một cộng đồng có số dân đông hơn và kinh tế phát triển hơn sẽ chiếm ưu thế trội, ảnh hưởng đến văn hóa các cộng đồng còn lại. Sự hòa trộn đó tạo nên một bức tranh đa sắc màu. Chính sách dân tộc phải được xử lý làm sao để không làm mất đi những yếu tố chủ đạo đó là tính “thống nhất trong đa dạng”, được quy định bởi mối quan hệ giữa các dân tộc dựa trên nguyên tắc bình đẳng.

Bên cạnh đó, chính sách dân tộc phải củng cố được ý thức tự tin và tự tôn dân tộc, mong muốn được bảo tồn, phát huy, lan tỏa các giá trị văn hóa của dân tộc mình. Vì vậy, chính sách phát triển các dân tộc thiểu số cần phải tạo điều kiện phát triển đời sống kinh tế - xã hội, đồng thời bảo tồn các giá trị văn hóa nói chung và các di sản văn hóa tạo nên bản sắc của các dân tộc thiểu số nói riêng.

3. Phát huy tính tích cực của các yếu tố tác động trong xây dựng chính sách, pháp luật phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số

Nhằm xây dựng các chính sách, pháp luật cho sự phát triển các vùng dân tộc thiểu số một cách hiệu quả, đi vào cuộc sống, cần thực hiện một số giải pháp sau:

Một là, từng bước khắc phục khoảng cách chênh lệch, sự phát triển không đồng đều giữa các dân tộc thiểu số với nhau và giữa các dân tộc thiểu số với mức phát triển chung của cả nước.

Hai là, mục tiêu trọng tâm của chính sách, pháp luật nhằm giải quyết các nguyên nhân cơ bản nhất dẫn đến hiện trạng chậm phát triển của các dân tộc thiểu số là tình trạng cơ sở hạ tầng thấp kém, sự thiếu tính hệ thống, đồng bộ trong các chính sách tác động lên mọi mặt của đời sống kinh tế, văn hóa, xã hội của các dân tộc thiểu số để đảm bảo sự phát triển toàn diện và tiết kiệm nguồn lực.

Ba là, chính sách phải phù hợp một cách tương đối với điều kiện, hoàn cảnh, môi trường sống của cộng đồng các dân tộc thiểu số, cái gốc để sản sinh và nuôi dưỡng văn hóa truyền thống.

Bốn là, chính sách phải phù hợp với trình độ dân trí, nhận thức của người dân, đặc biệt phải gắn với những nét văn hóa của một cộng đồng và được quy định bởi yếu tố nền tảng là mặt bằng trình độ phát triển, nhất là về giáo dục và kết cấu hạ tầng kinh tế - kỹ thuật hiện có cũng như quá trình giao lưu, tiếp biến văn hóa đang diễn ra.

Năm là, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp để giữ gìn bản sắc dân tộc, không tạo nên những xung đột văn hóa, tâm lý xã hội. Mặt khác, cương quyết loại trừ những tập tục lạc hậu, không phù hợp trong đời sống, cản trở sự phát triển và quá trình tiếp nhận những yếu tố văn minh của văn hóa mới.

Sáu là, đảm bảo nguyên tắc bình đẳng dân tộc, tôn trọng tính đa dạng văn hóa, khắc phục tâm lý tự ti, tư tưởng định kiến dân tộc từ quá trình giao lưu văn hóa. Giải quyết một cách hài hoà mối quan hệ giữa con người với văn hóa, đề cao chủ thể văn hóa các dân tộc, đẩy mạnh việc khai thác và sử dụng tri thức địa phương trong các hoạt động phát triển. Xử lý hài hoà các nhu cầu và lợi ích, giữa yếu tố truyền thống và hiện đại, giữa kinh tế và văn hoá trong sự biến đổi kinh tế - văn hoá, quan hệ dân tộc đang là nhu cầu cấp thiết, đòi hỏi khả năng giải quyết tình hình thực tiễn nhạy bén, linh hoạt đang là thách thức đối với các cấp, các ngành, địa phương vùng dân tộc thiểu số nước ta hiện nay.

Đồng thời, phải có cơ chế, chính sách nhằm tận dụng vai trò gắn kết và dẫn dắt cộng đồng của các già làng, trưởng bản đối với các vùng dân tộc thiểu số trong phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

TS. Nguyễn Thị Vân Hà, Học viện Hành chính Quốc gia

ThS. Trần Thị Cẩm Tú, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, khu vực IV

Nguồn: tcnn.vn

Ghi chú:

(1) Đề trực tiếp chăm sóc sức khỏe sinh sản cho người dân tộc thiểu số, Nhà nước đã có chính sách cho y tế thôn, bản (Quyết định số 75/2009/QĐ-TTg và Thông tư số 07/2013/TT-BYT) được xem như một hướng tiếp cận phù hợp, nhất là chính sách đối với cô đỡ thôn, bản. Tuy nhiên, còn nhiều khó khăn về chế độ đãi ngộ thấp; nhân sự thay đổi; trình độ, đào tạo bất cập và khó khăn cả về phạm vi của chính sách.

Tài liệu tham khảo:

1. Đặng Văn Bài, Báo cáo chuyên đề “Góp phần xây dựng cơ chế chính sách bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa ở Việt Nam” (trong Đề tài khoa học: Cơ chế chính sách bảo vệ và phát huy di sản văn hóa ở Việt Nam), H.2003.

2. Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương, Vấn đề dân tộc và chính sách dân tộc của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, H.2002.

3. Hoàng Chí Bảo (chủ biên), Bảo đảm bình đẳng và tăng cường hợp tác giữa các dân tộc trong phát triển kinh tế - xã hội ở nước ta hiện nay, Nxb Chính trị quốc gia, H.2009.

4. Trần Văn Bính (chủ biên), Văn hóa các dân tộc Tây Bắc - Thực trạng và những vấn đề đặt ra, Nxb Chính trị quốc gia, H.2004.

5. Nguyễn Mạnh Cường, Văn hóa tín ngưỡng của một số dân tộc trên đất nước Việt Nam, Nxb Văn hóa - Thông tin, H.2008.

6. Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, H.2016.

7. Đảng Cộng sản Việt Nam, Báo cáo tổng kết một số vấn đề lý luận - thực tiễn qua 30 năm đổi mới (1986 - 2016), Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, H.2016.

8. Bùi Xuân Đính, Các tộc người ở Việt Nam, Nxb Thời đại, H.2012.
9. Phan Hữu Dật, Ngô Đức Thịnh, Lê Ngọc Thắng, Nguyễn Xuân Độ (Ban chủ nhiệm đề tài) (1998), Sắc thái văn hóa địa phương và tộc người trong chiến lược phát triển đất nước, Chương trình nghiên cứu khoa học công nghệ cấp Nhà nước KX-06 “Văn hóa, văn minh vì sự phát triển và tiến bộ xã hội”, Nxb Khoa học xã hội.
10. Đỗ Thanh Hà, Bảo tồn và phát huy văn hoá các dân tộc thiểu số trong giai đoạn hiện nay, Tạp chí Cộng sản, số 8/2004, tr.49 - 52.
11. Trần Thị Bích Hằng, Nguyễn Đình Tấn, (2010), Nhận thức, thái độ, hành vi của cộng đồng các dân tộc thiểu số đối với chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước trong giai đoạn hiện nay, thực trạng và giải pháp, Nxb Chính trị quốc gia, H.2010.
12. Đặng Thị Hoa (chủ biên), Quản lý xã hội vùng dân tộc thiểu số ở Việt Nam trong phát triển bền vững, Nxb Khoa học xã hội, 2014.
13. Hoàng Hữu Bình, Phan Văn Hùng (đồng chủ biên), Một số vấn đề về đổi mới xây dựng và thực hiện chính sách dân tộc, Nxb Chính trị - Hành chính, H.2013.
14. Nguyễn Quốc Phẩm (chủ biên), Công bằng và bình đẳng xã hội trong quan hệ dân tộc ở các quốc gia đa tộc người, Nxb Lý luận chính trị, 2006.
15. Lưu Văn Sùng, Một số điểm nóng chính trị - xã hội điển hình tại các vùng đa dân tộc ở miền núi trong những năm gần đây, hiện trạng, vấn đề các bài học kinh nghiệm trong xử lý tình huống, Nxb Chính trị quốc gia, H.2010.
16. Vương Xuân Tình, Văn hóa với phát triển bền vững ở vùng biên giới Việt Nam, Nxb Khoa học xã hội, 2014.
17. Hoàng Đức Thịnh, Tìm hiểu luật tục các dân tộc ở Việt Nam, Nxb Khoa học xã hội, 2003.
18. Tổng cục thống kê, Điều tra di cư Việt Nam: những kết quả chủ yếu, Nxb Thống kê, 2015.
19. Tiểu Dự án Hỗ trợ Giảm nghèo PRPP - Ủy ban Dân tộc, Tổng quan thực trạng kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số: Dựa trên kết quả phân tích số liệu điều tra thực trạng kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số năm 2015, Lưu hành nội bộ, H.2017.
20. Ủy ban Dân tộc, Kỷ yếu Hội thảo khoa học “Thực trạng chính sách dân tộc, định hướng xây dựng chính sách giai đoạn 2021 - 2030” do Ủy ban Dân tộc phối hợp với Đại sứ quán Ireland tổ chức ngày 03/01/2019 tại Hà Nội.

THÚC ĐẨY CHUYỂN ĐỔI SỐ NÂNG CAO NĂNG LỰC SÁNG TẠO

Nhìn chung, nước ta đang có vị thế tương đối tốt để đạt được kỳ vọng số, nhưng cần tận dụng sức mạnh của mình và thu hẹp khoảng cách ở những điểm còn yếu để chuyển đổi số nền kinh tế.

Theo đánh giá của Ngân hàng Thế giới tại Việt Nam, nước ta đạt kết quả tốt về kết nối, nhưng tốc độ còn chậm, và cần đầu tư khoảng 6 tỷ USD để hiện đại hóa và duy trì cơ sở hạ tầng nhằm đảm bảo khả năng tiếp cận toàn dân trong những năm tới. Chính phủ đã chứng tỏ được hiệu quả xây dựng cơ sở hạ tầng, đặc biệt thông qua hợp tác giữa các doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp tư nhân hoạt động trong lĩnh vực công nghệ thông tin và truyền thông. Nếu được thực hiện, các dự án đầu tư này sẽ khuyến khích và hỗ trợ cho quá trình ứng dụng các công nghệ và dịch vụ số khác, trong đó có thương mại điện tử, thanh toán điện tử, và cung cấp dịch vụ công.

Tuy nhiên, lợi ích về năng suất của các công nghệ và phương thức mới sẽ không trở thành hiện thực nếu không có nỗ lực của doanh nghiệp và nhà hoạch định chính sách để đẩy nhanh việc ứng dụng, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp hoạt động hiệu quả, tăng trưởng và thúc đẩy lan tỏa năng suất. Các chính sách ủng hộ thử nghiệm và tái phân bổ, cũng như có lực lượng quản lý và người lao động tài năng, chất lượng cao là những điều kiện quan trọng để nước ta chiến thắng trong cuộc đua này.

Sử dụng rộng rãi và hiệu quả các công nghệ số cũng yêu cầu phải tăng cường cơ sở pháp lý, nâng cao kỹ năng của lực lượng lao động và nâng cao trách nhiệm giải trình của các cơ quan nhà nước. Chính vì vậy, các cấp có thẩm quyền cần xử lý những yếu kém hiện nay thông qua nâng cao kỹ năng số để mở ra lợi ích số cho tất cả mọi người; bồi dưỡng năng lực đổi mới sáng tạo bằng cách xử lý thất bại của thị trường và của Chính phủ; cải thiện khả năng tiếp cận và chất lượng thông tin, cũng như quyền riêng tư.

Vấn đề đặt ra là vì sao cần phải nâng cao kỹ năng số! Thực tiễn cho thấy, trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang phát triển mạnh mẽ, người lao động rất cần đến những kỹ năng phù hợp để tận dụng quá trình chuyển đổi số. Người dùng cần có kỹ năng và năng lực để tiết kiệm thời gian tối đa và quản lý thông tin được thu thập qua các nền tảng số. Nếu không có kỹ năng số, rủi ro lớn là việc làm trong tương lai sẽ không đến được với người tìm việc ở Việt Nam. Ứng dụng công nghệ số dự kiến sẽ loại bỏ không ít lao động có kỹ năng thấp và trung bình. Tại Việt Nam, ước tính từ 20 đến 30% việc làm hiện nay đang có nguy cơ sẽ bị chuyển đổi hoặc biến mất trong vài năm tới, vì vậy, đào tạo lực lượng lao động cho những công việc mới đóng vai trò hết sức quan trọng.

Nhiều ý kiến cho rằng, hiện nay ở nước ta, số lượng lao động có trình độ trong lực lượng lao động còn thấp; và, số lượng học sinh đăng ký học tiếp sau phổ thông chưa đủ để bù đắp thiếu hụt lực lượng lao động có trình độ cho hiện tại và tương lai. Với tốc độ như hiện nay,

Việt Nam phải mất 25 năm để đuổi kịp Thái Lan. Nhiều doanh nghiệp cho biết họ gặp khó khăn trong việc tìm kiếm và giữ chân những chuyên viên phân tích dữ liệu, lập trình viên và chuyên gia mô hình hóa giới. Do vậy, để nâng cao năng lực số cho người lao động, trước hết, cần tăng cường giáo dục và đào tạo công nghệ thông tin ở các cấp, đặc biệt thông qua hệ thống các trường kỹ thuật và dạy nghề. Điều này đòi hỏi phải cải cách nền móng hệ thống đào tạo kỹ thuật và dạy nghề, bao gồm mô hình hoạt động, thiết kế chương trình học, kết nối hiệu quả với giáo dục phổ thông và giáo dục cao đẳng, đại học.

Việt Nam cũng cần cải thiện kỹ năng mềm cho người lao động, qua đó củng cố khả năng thích ứng của họ trong một môi trường mà bản chất công việc và việc làm cụ thể đang thay đổi nhanh chóng. Nhiều kỹ năng nghề nghiệp truyền thống đang trở nên lỗi thời. Cùng lúc đó, những cơ hội mới đang xuất hiện thông qua các hoạt động và mô hình kinh doanh mới, chẳng hạn ngày càng có nhiều cơ hội về việc làm cộng tác dựa trên công nghệ thông tin và truyền thông trên các mạng xã hội, về tạo dựng thương hiệu sản phẩm trên các nền tảng thương mại điện tử, và phân tích dữ liệu thu thập từ các trang web. Chính phủ có thể khuyến khích các sáng kiến xây dựng những kỹ năng cốt lõi mà người dân cần có, để họ có thể tận dụng, mở rộng và thích ứng những kỹ năng này nhằm đáp ứng nhu cầu của tiến bộ công nghệ. Trong bối cảnh mọi thứ đều thay đổi nhanh chóng và chưa rõ ràng về yêu cầu của công việc trong tương lai, sự hợp tác giữa Chính phủ và khu vực tư nhân có thể giúp xác định và dự tính kỹ năng nào sẽ cần nhất.

Thứ hai, tiếp tục đẩy mạnh bồi dưỡng năng lực đổi mới sáng tạo. Để duy trì năng lực cạnh tranh, thì đổi mới sáng tạo liên tục là điều kiện bắt buộc. Đồng thời, để xúc tiến đổi mới sáng tạo, cần tìm sự cân bằng giữa các doanh nghiệp lớn, tiên tiến và các doanh nghiệp nhỏ, năng động. Mặc dù vậy, các doanh nghiệp nhỏ tuy có sự linh hoạt và có khả năng chấp nhận rủi ro cao hơn, do đó lại trở thành thách thức đối với các doanh nghiệp lớn. Do đó, hệ thống sẽ được vận hành tốt nếu các công ty lớn được quản lý nhà nước tốt, còn các doanh nghiệp khởi nghiệp mới nổi và doanh nghiệp đổi mới sáng tạo nhỏ cần được hỗ trợ qua các chương trình hiệu quả của Chính phủ; mặc dù tháng 1 năm 2018, Luật Hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ có hiệu lực, với các quy định chi tiết về hỗ trợ các doanh nghiệp khởi nghiệp trong các lĩnh vực như chuyển giao công nghệ, đào tạo, xúc tiến thương mại, đầu tư, vay vốn ưu đãi, và các ưu đãi cho quỹ đầu tư mạo hiểm, nhưng trong thực tế, các chương trình hỗ trợ này vẫn nhỏ và manh mún, chủ yếu được triển khai ở cấp địa phương.

Thứ ba, đẩy mạnh tiếp cận thông tin, chất lượng thông tin và an ninh thông tin. Vấn đề này đòi hỏi cần quan tâm hơn nữa và giải quyết một số thách thức, như: 1) Khả năng lưu động dữ liệu, khả năng trao đổi và sử dụng dữ liệu là những yếu tố thiết yếu để đảm bảo rằng lợi ích từ việc tiếp cận thông tin tốt hơn có thể nhân lên cho nhiều người dùng với chi phí thấp nhất có thể. Dữ liệu được thu thập cho một mục đích có khả năng đem lại giá trị kinh tế và xã hội trong nhiều ứng dụng vượt xa so với ứng dụng dự kiến ban đầu. Hai yếu tố trên cũng đóng vai trò thiết yếu trong phòng tránh rủi ro là thông tin nằm trong tay một nhà cung cấp dịch vụ duy nhất và vì vậy dễ có khả năng bị lạm dụng. 2) Tiếp cận thông tin cần không làm tổn hại đến an ninh. Vi phạm của bên thứ ba hoặc tấn công mạng gây tổn thất lên đến 6 ngàn tỷ USD trên toàn thế

giới trong năm 2020. Theo Bộ Thông tin và Truyền thông, đã có trên 2.000 vụ tấn công mạng ở Việt Nam trong nửa đầu năm 2020... Ngoài chi phí tài chính, tấn công mạng còn để lại những hệ quả tai hại về quyền riêng tư của người dân và hệ thống quốc phòng của một quốc gia. 3) Quyền kiểm soát luồng thông tin đã trở thành sức mạnh ảnh hưởng đến cách các nền kinh tế và xã hội vận hành. Đã có nhiều sự lạm dụng thông tin của các nhà cung cấp dịch vụ lớn. Ví dụ, theo số liệu của Ngân hàng Thế giới, trong những tháng gần đây, Google bị Liên minh châu Âu phạt gần 5 tỷ USD, và Alibaba bị Trung Quốc phạt 3 tỷ USD...

Việt Nam cũng đã và đang phải đối mặt với những bất cập lớn về phạm vi và chất lượng dữ liệu số. Do vậy, trong lúc hoàn thiện dự thảo Nghị định về bảo mật thông tin cá nhân, Chính phủ cần đẩy mạnh quản lý dữ liệu, bảo vệ quyền riêng tư và tạo thuận lợi cho lưu chuyển dữ liệu số. Điều này đặc biệt liên quan mật thiết đến yêu cầu về lưu chuyển dữ liệu qua biên giới cũng như lưu trữ dữ liệu tại địa bàn...

Nguồn: dangcongsan.vn

CẦN ĐỘT PHÁ TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN

Quan tâm đến triển khai Kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2021 - 2025 được Chính phủ trình ra Quốc hội xem xét, thông qua tại Kỳ họp thứ Hai này, đại biểu Quốc hội Vũ Tiến Lộc (TP. Hà Nội) cho rằng, để đạt hiệu quả các mục tiêu đề ra, nhất là mục tiêu liên quan đến phát triển lực lượng doanh nghiệp, thì cần có đột phá trong quá trình thực hiện. Trong đó, đáng lưu ý là đột phá trong đào tạo nguồn nhân lực, vì suy cho cùng đây mới là yếu tố quyết định sự chuyển đổi cơ cấu nền kinh tế nước ta.

Xây dựng lực lượng doanh nghiệp Việt hùng mạnh

Phóng viên: Tại Kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2021 - 2025, Chính phủ đặt mục tiêu phát triển lực lượng doanh nghiệp nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh, năng lực nội tại và tính tự chủ, tự cường của nền kinh tế. Thưa ông, chúng ta cần triển khai những giải pháp nào để thực hiện mục tiêu nêu trên?

Đại biểu Quốc hội Vũ Tiến Lộc: Kinh nghiệm thế giới cho thấy, trong một nền kinh tế, doanh nghiệp cỡ vừa sẽ vừa đủ lớn để có hiệu quả, vừa đủ nhỏ để hoạt động năng động. Do vậy, trong triển khai chính sách cơ cấu lại nền kinh tế thời gian tới, cần nỗ lực phát triển khu vực doanh nghiệp cỡ vừa. Doanh nghiệp vừa và nhỏ thì có thể phát triển thông qua khuyến khích hộ kinh doanh chuyển đổi thành doanh nghiệp.

Quốc hội cần ban hành luật điều chỉnh hoạt động của chủ thể này, coi các hộ kinh doanh có đăng ký cũng thuộc khu vực doanh nghiệp quy mô nhỏ của nước ta. Khi chúng ta chính thức hóa ngày càng nhiều hoạt động của các chủ thể trong khu vực tư nhân sẽ giúp họ hoạt động minh bạch hơn, có khả năng được bảo vệ cao hơn. Đây cũng có thể coi như một giải

pháp để thực hiện mục tiêu phát triển hệ thống doanh nghiệp theo kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế, cũng như nghị quyết của Đảng, Quốc hội.

Trong quá trình tái cơ cấu nền kinh tế, chúng ta đang có chủ trương khác nhau với hai khu vực doanh nghiệp. Với doanh nghiệp Nhà nước, chủ trương là đẩy mạnh cổ phần hóa, thoái vốn của Nhà nước khỏi khu vực này; chỉ tập trung vào một số lĩnh vực kinh tế quan trọng. Chúng ta cũng có chủ trương phát triển tận lực khu vực tư nhân, mỗi bước lùi của khu vực doanh nghiệp Nhà nước sẽ là cơ hội mở rộng cho doanh nghiệp tư nhân. Khu vực tư nhân sẽ ngày càng đóng vai trò quan trọng hơn trong nền kinh tế, tỷ trọng đóng góp cho GDP sẽ ngày càng tăng lên.

Cá nhân tôi nhận thấy, khu vực kinh tế tư nhân nên trở thành rường cột của nước nhà. Bởi, một nền kinh tế có hùng mạnh hay không phụ thuộc vào việc có phát động được toàn dân làm kinh tế hay không. Nhà nước hãy là người quản lý, định hướng, chèo lái, tạo môi trường, còn doanh nghiệp tư nhân sẽ là chủ thể thực hiện các mục tiêu đề ra. Trong những năm qua, chúng ta đã chứng kiến sự phát triển mạnh mẽ của khu vực kinh tế tư nhân, hiện đã xuất hiện một số doanh nghiệp có năng lực cạnh tranh, thương hiệu và được thế giới ghi nhận. Tuy nhiên, khu vực kinh tế tư nhân của nước ta vẫn có một số hạn chế, mà hạn chế nổi bật là đang thiếu những doanh nghiệp cỡ vừa.

Phóng viên: Những giải pháp đưa ra để phát triển khu vực kinh tế tư nhân tại Kế hoạch này đã đáp ứng được kỳ vọng của cộng đồng doanh nghiệp chưa, thưa ông?

Đại biểu Quốc hội Vũ Tiến Lộc: Kế hoạch đặt nhiều mục tiêu về phát triển doanh nghiệp tư nhân. Cụ thể, phấn đấu để có 1 triệu doanh nghiệp hoạt động có hiệu quả vào năm 2025, tăng tỷ trọng khu vực tư nhân trong nền kinh tế, doanh nghiệp đổi mới, sáng tạo... Những chỉ tiêu này có thể thực hiện được nếu có đột phá về cải cách thể chế và nỗ lực đưa môi trường kinh doanh, năng lực cạnh tranh của nước ta vào nhóm 3, nhóm 4 nền kinh tế hàng đầu trong khu vực ASEAN. Khi chúng ta cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, tạo ra một môi trường kinh doanh thuận lợi, minh bạch và bình đẳng, thì không có lý gì không phát triển được lực lượng doanh nghiệp tư nhân như Kế hoạch đặt ra.

Chúng ta đã đặt ra các mục tiêu và xác định giải pháp thực hiện, nên vấn đề còn lại là tạo ra đột phá trong hành động. Các chương trình cần thực hiện đã được nêu rất rõ như cải cách thể chế, thúc đẩy cải cách hành chính, thủ tục, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, kinh tế tuần hoàn, thực hiện đổi mới, sáng tạo... Những chương trình này cần tập trung thực hiện làm sao để các doanh nghiệp đều tiếp cận được, thực sự trở thành động lực cho sự phát triển của khu vực kinh tế tư nhân.

Cần "cú hích" trong đào tạo nguồn nhân lực

Phóng viên: Kinh tế thế giới trong thời gian tới được dự báo sẽ có những thay đổi nhất định. Các cơ quan chức năng sẽ cần chú ý vấn đề nào khi thực hiện mục tiêu phát triển lực lượng doanh nghiệp tư nhân?

Đại biểu Quốc hội Vũ Tiến Lộc: Hiện nay, chúng ta đang chứng kiến sự chuyển dịch kinh tế toàn cầu, sự vận động mạnh mẽ của các cuộc cách mạng số, cách mạng xanh trên thế

giới. Doanh nghiệp nước ta hoàn toàn có thể bắt kịp những xu hướng của thế giới nếu có hệ thống chính sách hỗ trợ của Nhà nước. Đó là những điều tôi đã nói ở trên, là cải cách thể chế, thực hiện các chương trình xúc tiến thương mại, đào tạo người lao động... Do vậy, bên cạnh nỗ lực cải cách thể chế, một yếu tố cần quan tâm là tiến hành đào tạo nguồn nhân lực, thực hiện các mục tiêu liên quan được Kế hoạch đặt ra (70% số lao động qua đào tạo, 28 - 30% số lao động có bằng cấp, chứng chỉ).

Tôi tán thành với các mục tiêu được Chính phủ đề ra, vì suy cho cùng chất lượng nguồn nhân lực là yếu tố quyết định sự chuyển đổi cơ cấu nền kinh tế nước ta. Chúng ta muốn chuyển đổi số, tham gia chuỗi cung ứng toàn cầu, không còn gia công, tham gia nhiều hơn vào thị trường thế giới, giá trị gia tăng ngày càng cao... thì phải có nguồn nhân lực chất lượng cao. Hay nói cách khác, chúng ta cũng cần có một cú hích trong đào tạo nguồn nhân lực nếu muốn thúc đẩy khu vực kinh tế tư nhân phát triển thời gian tới.

Phóng viên: Bên cạnh phát triển lực lượng doanh nghiệp, hoàn thành cơ cấu lại đầu tư công là một mục tiêu được Kế hoạch này đưa ra. Trong bối cảnh thực hiện phòng chống dịch hiện nay thì việc phân bổ vốn đầu tư công cần chú ý điều gì, thưa ông?

Đại biểu Quốc hội Vũ Tiến Lộc: Cùng với hai trọng tâm cơ cấu lại nền kinh tế (doanh nghiệp Nhà nước và hệ thống các tổ chức tín dụng), cơ cấu lại đầu tư công đã được tập trung thực hiện. Pháp luật về đầu tư công được hoàn thiện; kế hoạch đầu tư công trung hạn được tập trung triển khai; kỷ luật, kỷ cương trong đầu tư công được nâng cao, khắc phục được tình trạng đầu tư dàn trải, manh mún và nợ đọng xây dựng cơ bản. Tuy nhiên, hiệu quả đầu tư công chưa cao, giải ngân vốn vẫn còn vướng mắc, nhất là vốn ODA, và trở thành điểm nghẽn của nền kinh tế. Thời gian tới, chúng ta vẫn cần tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong thực thi.

Trong bối cảnh chuẩn bị tiến hành quá trình phục hồi nền kinh tế, chúng ta đang cần nguồn vốn lớn để tiếp sức cho thị trường, "tiếp máu" cho khu vực doanh nghiệp, trong đó có doanh nghiệp tư nhân. Do vậy, các cơ quan chức năng cần điều chỉnh đầu tư công, tập trung vào các dự án sẽ thực sự hiệu quả, nhất là các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng. Chúng ta có thể ngừng hoặc rút vốn đầu tư ở một số công trình, dự án cho thấy chưa hiệu quả; sử dụng một phần vốn đầu tư công chưa sử dụng để thành lập Quỹ Bảo lãnh tín dụng và Quỹ Hỗ trợ lãi suất để hỗ trợ hệ thống ngân hàng trong cho vay với sản xuất, kinh doanh, đẩy vốn vào khu vực doanh nghiệp tư nhân, qua đó tạo động lực tăng trưởng.

Một đồng vốn đầu tư công có thể chỉ tạo thành một đồng vốn đầu tư cho xã hội, nhưng nếu chuyển thành vốn bảo lãnh tín dụng hoặc hỗ trợ lãi suất thì có thể đẩy vốn từ ngân hàng ra cho hệ thống doanh nghiệp. Đây có thể sẽ là một cách để sử dụng hiệu quả vốn đầu tư công cho quá trình kích thích, phục hồi nền kinh tế thời gian tới.

Phóng viên: Xin cảm ơn ông!

Nguồn: daibieunhandan.vn

CHÍNH PHỦ: BAN HÀNH

NGHỊ ĐỊNH SỬA ĐỔI VỀ KINH DOANH XĂNG DẦU

Ngày 02/11, Chính phủ ban hành Nghị định số 95/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 3/9/2014 về kinh doanh xăng dầu, trong đó bổ sung Điều 38a về công thức giá cơ sở xăng dầu.

Cụ thể, giá cơ sở xăng dầu được xác định bằng (=) giá xăng dầu từ nguồn nhập khẩu nhân với (x) tỉ trọng (%) sản lượng xăng dầu từ nguồn nhập khẩu cộng (+) giá xăng dầu từ nguồn sản xuất trong nước nhân với (x) tỉ trọng (%) sản lượng xăng dầu từ nguồn sản xuất trong nước.

Giá cơ sở xăng sinh học được xác định bằng (=) tỷ lệ phần trăm thể tích xăng không chì (%) nhân (x) {(giá xăng thế giới cộng (+) chi phí đưa xăng từ nước ngoài về cảng Việt Nam cộng (+) chi phí về thuế nhập khẩu xăng) nhân (x) tỷ trọng sản lượng xăng nhập khẩu cộng (+) (giá xăng thế giới cộng (+) premium cộng (+) chi phí đưa xăng từ nhà máy lọc dầu trong nước đến cảng (nếu có)) nhân (x) tỷ trọng sản lượng xăng từ nguồn sản xuất trong nước} cộng (+) tỷ lệ phần trăm thể tích Etanol nhiên liệu (%) nhân (x) giá Etanol nhiên liệu cộng (+) chi phí kinh doanh định mức cộng (+) mức trích lập Quỹ bình ổn giá cộng (+) lợi nhuận định mức cộng (+) các khoản chi phí về thuế, phí và các khoản trích nộp khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Sửa điều kiện đối với thương nhân kinh doanh xuất nhập khẩu xăng dầu

Nghị định cũng sửa đổi điều kiện đối với thương nhân kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu xăng dầu. Một trong các điều kiện được sửa là thương nhân phải có hệ thống phân phối xăng dầu: Tối thiểu 10 cửa hàng bán lẻ xăng dầu thuộc sở hữu hoặc thuê với thời hạn thuê từ 5 năm trở lên, trong đó có ít nhất 5 cửa hàng thuộc sở hữu của doanh nghiệp; tối thiểu 40 tổng đại lý kinh doanh xăng dầu hoặc đại lý bán lẻ xăng dầu hoặc thương nhân nhận quyền bán lẻ xăng dầu thuộc hệ thống phân phối của thương nhân.

Đối với thương nhân đầu mỗi kinh doanh nhiên liệu hàng không, Nghị định quy định không bắt buộc phải có hệ thống phân phối quy định trên nhưng phải đáp ứng thêm điều kiện sau: Có phương tiện vận tải, xe tra nạp nhiên liệu hàng không phù hợp với quy định, tiêu chuẩn mặt hàng nhiên liệu hàng không thuộc sở hữu hoặc thuê với thời hạn thuê từ 5 năm trở lên; Có kho tiếp nhận tại sân bay với các trang thiết bị, cơ sở vật chất đáp ứng các tiêu chuẩn của mặt hàng nhiên liệu hàng không thuộc sở hữu hoặc thuê với thời hạn thuê từ 5 năm trở lên; Có phòng thử nghiệm đủ năng lực thuộc sở hữu hoặc thuê để kiểm tra chất lượng mặt hàng nhiên liệu hàng không theo tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế theo quy định hiện hành.

Cửa hàng bán lẻ xăng dầu thuộc sở hữu hoặc thuê

Đối với đại lý bán lẻ xăng dầu, Nghị định sửa điều kiện về cửa hàng bán lẻ như sau: Có cửa hàng bán lẻ xăng dầu thuộc sở hữu hoặc thuê với thời hạn thuê từ 5 năm trở lên được cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu theo quy định tại Điều 25 Nghị định này.

Nghị định cũng quy định điều kiện đối với cửa hàng bán lẻ xăng dầu là: Thuộc sở hữu hoặc thuê với thời hạn thuê từ 5 năm trở lên của thương nhân là đại lý bán lẻ xăng dầu hoặc tổng đại lý kinh doanh xăng dầu hoặc thương nhân nhận quyền bán lẻ xăng dầu hoặc thương nhân phân phối xăng dầu hoặc thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu hoặc thương nhân đầu mối sản xuất xăng dầu có hệ thống phân phối theo quy định tại Nghị định này (thương nhân đề nghị cấp phải đứng tên tại Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu). Trường hợp đi thuê cửa hàng bán lẻ xăng dầu, thương nhân đi thuê phải đứng tên tại Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu.

Nghị định này có hiệu lực từ ngày 02/01/2022.

Nguồn: baochinhpvu.vn

BỘ NỘI VỤ: BÃI BỎ 07 VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT DO BỘ TRƯỞNG BAN HÀNH

Ngày 01/11/2021, Bộ trưởng Bộ Nội vụ Phạm Thị Thanh Trà ký ban hành Thông tư số 06/2021/TT-BNV bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành.

Theo đó, 07 văn bản quy phạm pháp luật bãi bỏ toàn bộ kể từ ngày 20 tháng 12 năm 2021, bao gồm: 1. Thông tư số 01/2009/TT-BNV ngày 19 tháng 3 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn trình tự, thủ tục bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Ủy viên Ủy ban nhân dân huyện, quận, phường nơi không tổ chức Hội đồng nhân dân. 2. Thông tư số 02/2009/TT-BNV ngày 19 tháng 3 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn triển khai thực hiện thí điểm không tổ chức Hội đồng nhân dân huyện, quận, phường. 3. Thông tư số 04/2009/TT-BNV ngày 29 tháng 4 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi Khoản 3, Khoản 4 Điều 5 Thông tư số 02/2009/TT-BNV ngày 19 tháng 3 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn triển khai thực hiện thí điểm không tổ chức Hội đồng nhân dân huyện, quận, phường. 4. Thông tư số 04/2013/TT-BNV ngày 16 tháng 4 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn xây dựng Quy chế công tác văn thư, lưu trữ của các cơ quan, tổ chức. 5. Thông tư số 02/2016/TT-BNV ngày 01 tháng 02 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn nghiệp vụ công tác tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XIV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2016 - 2021. 6. Quyết định số 82/2004/QĐ-BNV ngày 17 tháng 11 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn Giám đốc Sở và các chức vụ tương đương thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. 7. Quyết định số 83/2004/QĐ-BNV ngày 17 tháng 11 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn Vụ trưởng thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 12 năm 2021.

Nguồn: moha.gov.vn

BỘ TÀI CHÍNH: BAN HÀNH THÔNG TƯ QUY ĐỊNH MỨC THU, CHẾ ĐỘ THU, NỘP, QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG PHÍ TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC

Ngày 28/10/2021, Bộ trưởng Bộ Tài chính ký ban hành Thông tư số 92/2021/TT-BTC quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức.

Theo đó, Thông tư số 92/2021/TT-BTC của Bộ Tài chính áp dụng đối với người nộp, tổ chức thu phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức và tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức.

Thông tư cũng quy định rõ mức thu phí đối với đối tượng tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức như sau:

| Số TT | Nội dung thu | Đơn vị tính | Mức thu |
|------------|--|-------------------|-----------|
| I | Tuyển dụng (gồm thi tuyển, xét tuyển) | | |
| | - Dưới 100 thí sinh | Đồng/thí sinh/lần | 500.000 |
| | - Từ 100 đến dưới 500 thí sinh | Đồng/thí sinh/lần | 400.000 |
| | - Từ 500 thí sinh trở lên | Đồng/thí sinh/lần | 300.000 |
| II | Dự thi nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức | | |
| 1 | Nâng ngạch chuyên viên cao cấp và tương đương, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức hạng I | | |
| | - Dưới 50 thí sinh | Đồng/thí sinh/lần | 1.400.000 |
| | - Từ 50 đến dưới 100 thí sinh | Đồng/thí sinh/lần | 1.300.000 |
| | - Từ 100 thí sinh trở lên | Đồng/thí sinh/lần | 1.200.000 |
| 2 | Nâng ngạch chuyên viên, chuyên viên chính và tương đương; thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức hạng II, hạng III, hạng IV | | |
| | - Dưới 100 thí sinh | Đồng/thí sinh/lần | 700.000 |
| | - Từ 100 đến dưới 500 thí sinh | Đồng/thí sinh/lần | 600.000 |
| | - Từ 500 thí sinh trở lên | Đồng/thí sinh/lần | 500.000 |
| III | Phúc khảo thi tuyển dụng; thi nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức | Đồng/bài thi | 150.000 |

So với hiện hành, mức thu phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức quy định tại Thông tư số 92/2021/TT-BTC không thay đổi, nhưng có bổ sung mức thu phí trường hợp thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức hạng IV.

Để kê khai, nộp phí, các đối tượng dự tuyển chậm nhất ngày 5 hàng tháng, tổ chức thu phí phải gửi số tiền phí đã thu của tháng trước vào tài khoản phí chờ nộp ngân sách mở tại Kho bạc Nhà nước; tổ chức thu phí thực hiện kê khai, nộp số tiền phí thu được theo tháng, quyết toán năm theo quy định tại Luật Quản lý thuế và Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế.

Về quản lý và sử dụng phí, Thông tư số 92/2021/TT-BTC nêu rõ, tổ chức thu phí là đơn vị sự nghiệp công lập được để lại 100% số tiền phí thu được để trang trải cho các nội dung chi theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/ 8/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí.

Tổ chức thu phí là cơ quan nhà nước nộp toàn bộ số tiền phí thu được vào ngân sách nhà nước. Nguồn chi phí trang trải cho việc thực hiện công việc và thu phí do ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán của tổ chức thu theo chế độ, định mức chi ngân sách nhà nước.

Trường hợp tổ chức thu phí là cơ quan nhà nước được khoán chi phí hoạt động từ nguồn thu phí theo quy định tại Khoản 1 Điều 4 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP được trích lại 100% số tiền phí thu được để trang trải chi phí cho các nội dung chi theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/12/2021.

Nguồn: moha.gov.vn

CHÍNH SÁCH MỚI

CÓ HIỆU LỰC TỪ THÁNG 11/2021

*** Giảm thuế giá trị gia tăng đối với một số hàng hóa, dịch vụ**

Theo Nghị quyết số 406/NQ-UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về một số giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp, người dân chịu tác động của dịch COVID-19, giảm thuế giá trị gia tăng kể từ ngày 01/11/2021 đến hết ngày 31/12/2021 đối với các hàng hóa, dịch vụ sau đây: (i) Dịch vụ vận tải (vận tải đường sắt, vận tải đường thủy, vận tải hàng không, vận tải đường bộ khác); dịch vụ lưu trú; dịch vụ ăn uống; dịch vụ của các đại lý du lịch, kinh doanh tour du lịch và các dịch vụ hỗ trợ, liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch; (ii) Sản phẩm và dịch vụ xuất bản; dịch vụ điện ảnh, sản xuất chương trình truyền hình, ghi âm và xuất bản âm nhạc; tác phẩm nghệ thuật và dịch vụ sáng tác, nghệ thuật, giải trí; dịch vụ của thư viện, lưu trữ, bảo tàng và các hoạt động văn hóa khác; dịch vụ thể thao, vui chơi và giải trí. Hàng hóa, dịch vụ trong nhóm (ii) không bao gồm phần mềm xuất bản và các hàng hóa, dịch vụ sản xuất, kinh doanh theo hình thức trực tuyến.

Tùy thuộc vào phương pháp tính thuế, mức giảm thuế giá trị gia tăng được áp dụng như sau: Doanh nghiệp, tổ chức tính thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ quy định tại khoản này được giảm 30% mức thuế suất thuế giá trị gia tăng; doanh nghiệp, tổ chức tính thuế giá trị gia tăng theo phương pháp tỷ lệ % trên doanh thu sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ quy định tại khoản này được giảm 30% mức tỷ lệ % để tính thuế giá trị gia tăng.

*** Sửa đổi quy định điều kiện nuôi, trồng các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp**

Có hiệu lực từ ngày 30/11/2021, Nghị định số 84/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp.

Trong đó, Nghị định sửa đổi, bổ sung Khoản 4 Điều 14 về điều kiện nuôi, trồng các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp thuộc Phụ lục CITES không vì mục đích thương mại như sau: “Trong quá trình nuôi, trồng phải lập sổ theo dõi nuôi, trồng theo mẫu, định kỳ báo cáo và chịu sự kiểm tra, giám sát của Cơ quan thẩm quyền quản lý CITES Việt Nam, cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản, về lâm nghiệp, về môi trường cấp tỉnh”.

Ngoài ra, Nghị định cũng sửa đổi Điểm c Khoản 1 Điều 15 về điều kiện nuôi, trồng các loài động vật hoang dã nguy cấp thuộc Phụ lục CITES vì mục đích thương mại. Theo đó, các loài động vật hoang dã thuộc Phụ lục CITES thuộc các lớp thú, chim, bò sát lần đầu tiên đăng ký nuôi tại cơ sở phải được Cơ quan khoa học CITES Việt Nam xác nhận bằng văn bản về việc nuôi sinh sản, nuôi sinh trưởng không làm ảnh hưởng đến sự tồn tại của loài nuôi và các loài khác có liên quan trong tự nhiên theo trình tự như sau:

Trong thời hạn 2 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký mã số cơ sở, Cơ quan cấp mã số theo quy định tại Nghị định này có trách nhiệm gửi văn bản đề nghị xác nhận đến Cơ quan khoa học CITES Việt Nam.

Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của Cơ quan cấp mã số, Cơ quan khoa học CITES Việt Nam có trách nhiệm trả lời bằng văn bản đối với nội dung xác nhận ảnh hưởng hoặc không ảnh hưởng của việc nuôi sinh sản, nuôi sinh trưởng đến sự tồn tại của loài nuôi và các loài khác có liên quan trong tự nhiên.

*** Giữ bí mật thông tin, bảo vệ người tố cáo**

Thông tư số 05/2021/TT-TTCP của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình xử lý đơn khiếu nại, đơn tố cáo, đơn kiến nghị, phản ánh có hiệu lực từ ngày 15/11/2021. Thông tư nêu rõ, trong quá trình xử lý đơn, cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có trách nhiệm giữ bí mật thông tin của người tố cáo, nội dung tố cáo theo quy định của pháp luật. Trường hợp người tố cáo đề nghị được bảo vệ thì người xử lý đơn báo cáo người đứng đầu xem xét, giải quyết.

Ngoài ra, Thông tư cũng quy định việc quản lý, theo dõi đơn. Cụ thể, cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận, chuyển đơn có trách nhiệm vào sổ hoặc nhập thông tin vào hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh theo quy định hoặc phần mềm xử lý đơn để tra cứu, quản lý, theo dõi. Việc lưu trữ, vào sổ

theo dõi hoặc sao lưu dữ liệu trên máy tính, tra cứu thông tin được thực hiện theo quy định của pháp luật về lưu trữ, pháp luật về bảo vệ bí mật Nhà nước và Danh mục bí mật Nhà nước thuộc lĩnh vực thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng.

*** Quy định về tổ chức, hoạt động của đoàn thanh tra**

Thông tư số 06/2021/TT-TTCT của Thanh tra Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động của đoàn thanh tra và trình tự, thủ tục tiến hành một cuộc thanh tra có hiệu lực kể từ ngày 15/11/2021. Theo đó, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, thủ trưởng cơ quan hành chính Nhà nước có trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc cơ quan thanh tra và các cơ quan thuộc thẩm quyền quản lý của mình trong công tác thanh tra; giải quyết khó khăn, vướng mắc, xử lý kịp thời kiến nghị về thanh tra và chỉ đạo, tổ chức thực hiện kết luận thanh tra theo quy định của pháp luật.

Người ra quyết định thanh tra có trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo đoàn thanh tra, bảo đảm nguyên tắc của hoạt động thanh tra, bảo đảm cuộc thanh tra được thực hiện đúng pháp luật, đúng mục đích, yêu cầu; giải quyết kịp thời các phản ánh, kiến nghị của đoàn thanh tra; các khiếu nại, phản ánh, kiến nghị, tố cáo liên quan đến hoạt động của đoàn thanh tra.

*** Quy chế thi đánh giá năng lực tiếng Việt cho người nước ngoài**

Thông tư số 27/2021/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định quy chế thi đánh giá năng lực tiếng Việt theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài, có hiệu lực thi hành từ 22/11/2021.

Theo Thông tư, việc tổ chức thi đánh giá năng lực tiếng Việt nhằm đánh giá năng lực tiếng Việt cho người có nhu cầu theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài. Việc tổ chức thi đánh giá năng lực tiếng Việt phải bảo đảm nguyên tắc trung thực, chính xác, khách quan, minh bạch, phản ánh đúng năng lực tiếng Việt của người được đánh giá về 4 kỹ năng ngôn ngữ: Nghe, nói, đọc, viết.

Về hình thức thi: Các kỹ năng nghe, đọc, viết được tổ chức theo hình thức thi trên giấy hoặc trên máy tính. Kỹ năng nói được tổ chức theo hình thức thi nói trực tiếp trước giám khảo hoặc thi nói trên máy tính. Đối với từng kỳ thi, đơn vị tổ chức thi thông báo về hình thức thi trên giấy hay trên máy tính, thi nói trực tiếp trước giám khảo hay nói trên máy tính để thí sinh biết trước khi đăng ký dự thi.

Chứng chỉ tiếng Việt được cấp cho người dự thi đạt yêu cầu tương ứng từ bậc 1 đến bậc 6 của Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài. Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mẫu chứng chỉ tiếng Việt. Thời hạn hiệu lực của chứng chỉ tiếng Việt do cơ quan, đơn vị sử dụng chứng chỉ quyết định..

Nguồn: baohinhphu.vn

NHÂN SỰ MỚI CÁC BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

* Ban Bí thư Trung ương Đảng quyết định:

Chuẩn y ông Nguyễn Thành Trung, Trưởng ban Ban pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa, nhiệm kỳ 2016 - 2021 giữ chức vụ Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy Khánh Hòa, nhiệm kỳ 2020 - 2025.

Chuẩn y bà Nguyễn Thị Kim Dung, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy Khánh Hòa giữ chức vụ Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy Khánh Hòa, nhiệm kỳ 2020 - 2025.

* Chủ tịch nước quyết định:

Bổ nhiệm Thẩm phán Cao cấp cho Thượng tá Phạm Minh Khôi, Chánh án Tòa án quân sự Thủ đô Hà Nội.

Bổ nhiệm Thẩm phán Trung cấp cho Trung tá Đỗ Ngọc Bình, thẩm tra viên Tòa án quân sự Thủ đô Hà Nội.

Bổ nhiệm Thẩm phán Sơ cấp cho Đại úy Hoàng Thị Phương Nhung, Thư ký Tòa án quân sự khu vực Thủ đô Hà Nội

Bổ nhiệm Thẩm phán Sơ cấp cho Đại úy Nguyễn Thị Mai, Thư ký Tòa án quân sự Thủ đô Hà Nội.

* Thủ tướng Chính phủ quyết định:

Thiếu tướng Lê Quang Đạo, Phó Tư lệnh kiêm Tham mưu trưởng Bộ đội Biên phòng, Bộ Quốc phòng được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam, Bộ Quốc phòng.

Đại tá Vũ Trung Kiên, Cục trưởng Cục Trinh sát, Bộ đội Biên phòng, Bộ Quốc phòng được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Tư lệnh Pháp luật Cảnh sát biển Việt Nam, Bộ Quốc phòng.

* Bộ Công an:

Đại tá Hồ Anh Quý, Trưởng phòng Phòng Tham mưu, Cục Cảnh sát phòng chống tội phạm về môi trường được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Cục trưởng Cục Viễn thông và Cơ yếu, Bộ Công an.

* Bộ Nội vụ:

Ông Vũ Hải Nam, Phó Vụ trưởng Vụ Tổ chức - Biên chế được bổ nhiệm giữ chức vụ Vụ trưởng Vụ Tổ chức - Biên chế, Bộ Nội vụ.

* Viện Kiểm sát nhân dân tối cao:

Ông Đỗ Việt Hùng, Chuyên viên chính, Trưởng phòng được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Cục trưởng Cục Kế hoạch - Tài chính Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, kể từ ngày 01/11/2021.

*** Văn phòng Quốc hội:**

Ông Nguyễn Duy Tiến , Phó Vụ trưởng Vụ Pháp luật được bổ nhiệm giữ chức vụ Vụ trưởng Vụ Pháp luật, Văn phòng Quốc hội, kể từ ngày 01/11/2021.

Bà Phan Thị Thùy Linh , Chuyên viên chính, Phó Vụ trưởng Vụ Đổi mới doanh nghiệp, Văn phòng Chính phủ được tiếp nhận, bổ nhiệm giữ chức vụ Vụ trưởng Vụ Tổng hợp, Văn phòng Quốc hội, kể từ ngày 01/11/2021.

Bà Hoàng Thị Lan Nhung, Phó Vụ trưởng Vụ Thông tin được bổ nhiệm giữ chức vụ Vụ trưởng Vụ Thông tin, Văn phòng Quốc hội, kể từ ngày 01/11/2021.

Ông Trịnh Ngọc Đức, Phó Vụ trưởng Vụ Phục vụ hoạt động giám sát được bổ nhiệm giữ chức vụ Vụ trưởng Vụ Phục vụ hoạt động giám sát, Văn phòng Quốc hội, kể từ ngày 01/11/2021.

Ông Trịnh Ngọc Cường, Phó Giám đốc Thư viện Quốc hội được bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc Thư viện Quốc hội, Văn phòng Quốc hội, kể từ ngày 01/11/2021.

Ông Vũ Khắc Định, Phó Vụ trưởng Vụ Tổng hợp, Văn phòng Quốc hội được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Vụ trưởng Văn phòng Đảng đoàn Quốc hội, Văn phòng Quốc hội, kể từ ngày 01/11/2021.

*** Ngân hàng Nhà nước Việt Nam:**

Ông Đào Xuân Tuấn, Phó Vụ trưởng phụ trách Vụ Quản lý ngoại hối được bổ nhiệm giữ chức vụ Vụ Trưởng Vụ Quản lý ngoại hối Ngân hàng Nhà nước kể từ ngày 01/11/2021.

Bà Vũ Thúy Ngọc, Trưởng phòng Phòng Quản lý, giám sát vi mô Ngân hàng Thương mại Nhà nước thuộc Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng (Cục I) - Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Cục trưởng Cục I - Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng kể từ ngày 01/11/2021.

Ông Cao Văn Bình, Phó Tổng Giám đốc Trung tâm Thông tin tín dụng Quốc gia Việt Nam (CIC) được bổ nhiệm giữ chức vụ Tổng Giám đốc CIC kể từ ngày 01/11/2021.

Ông Nguyễn Trà Dương, Phó Giám đốc phụ trách Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Chi nhánh tỉnh Bình Định được bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Chi nhánh tỉnh Bình Định, kể từ ngày 01/11/2021.

*** Thành phố Đà Nẵng:**

Ông Đoàn Ngọc Hùng Anh, Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy, Trưởng ban Ban Dân vận Thành ủy Đà Nẵng được điều động, phân công giữ chức vụ Trưởng ban Ban Tuyên giáo Thành ủy.

Ông Lê Văn Trung, Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy Đà Nẵng, Giám đốc Sở Giao thông vận tải được điều động, phân công giữ chức vụ Trưởng ban Ban Dân vận Thành ủy.

*** Tỉnh Đắk Lắk:**

Ông Lê Văn Thành, Trưởng Phòng Phòng Tổng hợp, Văn phòng Tỉnh ủy được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Chánh Văn phòng Tỉnh ủy, kể từ ngày 01/11/2021.

Ông Trương Hoài Anh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Krông Năng nhiệm kỳ 2021 - 2026 được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, kể từ ngày 01/11/2021.

Nguồn: baohinhphu.vn